

Phụ lục II

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

(Biểu đính kèm Tờ trình số 1277/TTr-UBND ngày 02 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)

Đơn vị: Triệu đồng

| TT  | Danh mục dự án                                                        | Địa điểm XD | Địa điểm mở tài khoản của dự án | Mã dự án | Mã ngành kinh tế | Năng lực thiết kế | Thời gian KC-HT | Quyết định đầu tư                       |                                |               |                | Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn NSDP |                  |                  |                          |                              |                           | Lấy kế bổ tri vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 bổ tri đến hết KH 2024 |                  |                  |                          |                              |                           | Dự kiến Kế hoạch đầu tư công năm 2025 nguồn vốn ngân sách địa phương |                  |                  |                          |                              | Chủ đầu tư | Ghi chú |  |
|-----|-----------------------------------------------------------------------|-------------|---------------------------------|----------|------------------|-------------------|-----------------|-----------------------------------------|--------------------------------|---------------|----------------|---------------------------------------------------------------|------------------|------------------|--------------------------|------------------------------|---------------------------|------------------------------------------------------------------------|------------------|------------------|--------------------------|------------------------------|---------------------------|----------------------------------------------------------------------|------------------|------------------|--------------------------|------------------------------|------------|---------|--|
|     |                                                                       |             |                                 |          |                  |                   |                 | Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | TMDT          |                | Tổng số                                                       | Trong đó:        |                  |                          |                              |                           | Tổng số                                                                | Trong đó:        |                  |                          |                              |                           | Tổng số                                                              | Trong đó:        |                  |                          |                              |            |         |  |
|     |                                                                       |             |                                 |          |                  |                   |                 |                                         |                                | Trong đó: NST | Nguồn vốn khác |                                                               | Dầu tư tập trung | Xổ số kiến thiết | Vốn thu tiền sử dụng đất | Bội chi ngân sách địa phương | vốn dự phòng 2023 và 2024 |                                                                        | Dầu tư tập trung | Xổ số kiến thiết | Vốn thu tiền sử dụng đất | Bội chi ngân sách địa phương | vốn dự phòng 2023 và 2024 |                                                                      | Dầu tư tập trung | Xổ số kiến thiết | Vốn thu tiền sử dụng đất | Bội chi ngân sách địa phương |            |         |  |
| 1   | 2                                                                     | 3           | 4                               | 5        | 6                | 7                 | 8               | 9                                       | 10                             | 11            | 12             | 13=14+15+16+17+18                                             | 14               | 15               | 16                       | 17                           | 18                        | 19=20+21+22+23+24                                                      | 20               | 21               | 22                       | 23                           | 24                        | 25=26+27+28+29                                                       | 26               | 27               | 28                       | 29                           | 30         | 31      |  |
|     | TỔNG SỐ                                                               |             |                                 |          |                  |                   |                 |                                         |                                |               |                | 19.569.773                                                    | 6.918.800        | 9.207.546        | 2.988.000                | 416.517                      | 38.910                    | 15.115.953                                                             | 5.502.580        | 7.228.546        | 2.058.500                | 287.417                      | 38.910                    | 4.042.320                                                            | 1.416.220        | 1.979.000        | 518.000                  | 129.100                      |            |         |  |
| -   | VỐN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT                                              |             |                                 |          |                  |                   |                 |                                         |                                |               |                | 2.988.000                                                     |                  |                  | 2.988.000                |                              |                           | 2.058.500                                                              |                  |                  | 2.058.500                |                              |                           | 518.000                                                              |                  |                  | 518.000                  |                              |            |         |  |
| -   | VỐN DỰ PHÒNG NĂM 2023 VÀ 2024                                         |             |                                 |          |                  |                   |                 |                                         |                                |               |                | 38.910                                                        |                  |                  |                          |                              | 38.910                    | 38.910                                                                 |                  |                  |                          |                              | 38.910                    |                                                                      |                  |                  |                          |                              |            |         |  |
| -   | VỐN BỘI CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG                                      |             |                                 |          |                  |                   |                 |                                         |                                |               |                | 416.517                                                       |                  |                  |                          | 416.517                      |                           | 287.417                                                                |                  |                  | 287.417                  |                              |                           | 129.100                                                              |                  |                  |                          | 129.100                      |            |         |  |
| -   | VỐN ĐẦU TƯ TẬP TRUNG VÀ XỔ SỐ KIẾN THIẾT                              |             |                                 |          |                  |                   |                 |                                         |                                |               |                | 16.126.346                                                    | 6.918.800        | 9.207.546        |                          |                              |                           | 12.731.126                                                             | 5.502.580        | 7.228.546        |                          |                              | 3.395.220                 | 1.416.220                                                            | 1.979.000        |                  |                          |                              |            |         |  |
| I   | Cấp huyện phân bổ chi tiết (dầu tư tập trung và thu tiền sử dụng đất) |             |                                 |          |                  |                   |                 |                                         |                                |               |                | 3.232.670                                                     | 1.982.670        |                  | 1.250.000                |                              |                           | 2.489.436                                                              | 1.559.936        |                  | 929.500                  |                              |                           | 743.234                                                              | 422.734          |                  | 320.500                  |                              |            |         |  |
|     | TP Long Xuyên                                                         |             |                                 |          |                  |                   |                 |                                         |                                |               |                | 1.010.337                                                     | 433.337          |                  | 577.000                  |                              |                           | 795.828                                                                | 345.828          |                  | 450.000                  |                              |                           | 214.509                                                              | 87.509           |                  | 127.000                  |                              |            |         |  |
|     | TP Châu Đốc                                                           |             |                                 |          |                  |                   |                 |                                         |                                |               |                | 295.912                                                       | 165.912          |                  | 130.000                  |                              |                           | 230.700                                                                | 130.700          |                  | 100.000                  |                              |                           | 65.212                                                               | 35.212           |                  | 30.000                   |                              |            |         |  |
|     | TX Tân Châu                                                           |             |                                 |          |                  |                   |                 |                                         |                                |               |                | 255.970                                                       | 150.970          |                  | 105.000                  |                              |                           | 198.490                                                                | 118.490          |                  | 80.000                   |                              |                           | 57.480                                                               | 32.480           |                  | 25.000                   |                              |            |         |  |
|     | Thị Xã Tịnh Biên                                                      |             |                                 |          |                  |                   |                 |                                         |                                |               |                | 195.359                                                       | 149.359          |                  | 46.000                   |                              |                           | 147.967                                                                | 116.967          |                  | 31.000                   |                              |                           | 47.392                                                               | 32.392           |                  | 15.000                   |                              |            |         |  |
|     | Huyện An Phú                                                          |             |                                 |          |                  |                   |                 |                                         |                                |               |                | 174.456                                                       | 136.456          |                  | 38.000                   |                              |                           | 136.144                                                                | 106.644          |                  | 29.500                   |                              |                           | 38.312                                                               | 29.812           |                  | 8.500                    |                              |            |         |  |
|     | Huyện Châu Phú                                                        |             |                                 |          |                  |                   |                 |                                         |                                |               |                | 205.834                                                       | 155.834          |                  | 50.000                   |                              |                           | 162.132                                                                | 122.132          |                  | 40.000                   |                              |                           | 43.702                                                               | 33.702           |                  | 10.000                   |                              |            |         |  |
|     | Huyện Châu Thành                                                      |             |                                 |          |                  |                   |                 |                                         |                                |               |                | 183.294                                                       | 137.294          |                  | 46.000                   |                              |                           | 143.369                                                                | 107.369          |                  | 36.000                   |                              |                           | 39.925                                                               | 29.925           |                  | 10.000                   |                              |            |         |  |
|     | Huyện Phú Tân                                                         |             |                                 |          |                  |                   |                 |                                         |                                |               |                | 221.550                                                       | 161.550          |                  | 60.000                   |                              |                           | 156.822                                                                | 126.822          |                  | 30.000                   |                              |                           | 64.728                                                               | 34.728           |                  | 30.000                   |                              |            |         |  |
|     | Huyện Chợ Mới                                                         |             |                                 |          |                  |                   |                 |                                         |                                |               |                | 225.504                                                       | 150.504          |                  | 75.000                   |                              |                           | 163.082                                                                | 118.082          |                  | 45.000                   |                              |                           | 62.422                                                               | 32.422           |                  | 30.000                   |                              |            |         |  |
|     | Huyện Thoại Sơn                                                       |             |                                 |          |                  |                   |                 |                                         |                                |               |                | 249.594                                                       | 168.594          |                  | 81.000                   |                              |                           | 192.863                                                                | 131.863          |                  | 61.000                   |                              |                           | 56.731                                                               | 36.731           |                  | 20.000                   |                              |            |         |  |
|     | Huyện Tri Tôn                                                         |             |                                 |          |                  |                   |                 |                                         |                                |               |                | 214.859                                                       | 172.859          |                  | 42.000                   |                              |                           | 162.038                                                                | 135.038          |                  | 27.000                   |                              |                           | 52.821                                                               | 37.821           |                  | 15.000                   |                              |            |         |  |
| II  | Cấp tỉnh phân bổ                                                      |             |                                 |          |                  |                   |                 |                                         | 20.398.048                     | 5.579.511     | 13.749.794     | 4.350.684                                                     | 2.197.827        | 2.152.857        |                          |                              |                           | 1.995.251                                                              | 1.274.907        | 749.344          |                          |                              |                           | 2.972.486                                                            | 993.486          | 1.979.000        |                          |                              |            |         |  |
|     | - Chưa phân bổ chi tiết                                               |             |                                 |          |                  |                   |                 |                                         |                                |               |                |                                                               |                  |                  |                          |                              |                           |                                                                        |                  |                  |                          |                              |                           | 1.287.273                                                            | 442.443          | 844.830          |                          |                              |            |         |  |
|     | - Thực hiện phân bổ chi tiết                                          |             |                                 |          |                  |                   |                 |                                         | 20.398.048                     | 5.579.511     | 13.749.794     | 4.350.684                                                     | 2.197.827        | 2.152.857        |                          |                              |                           | 1.995.251                                                              | 1.274.907        | 749.344          |                          |                              |                           | 1.685.213                                                            | 551.043          | 1.134.170        |                          |                              |            |         |  |
|     | TỔNG SỐ PHÂN BỐ CHI TIẾT                                              |             |                                 |          |                  |                   |                 |                                         | 20.398.048                     | 5.579.511     | 13.749.794     | 4.350.684                                                     | 2.197.827        | 2.152.857        |                          |                              |                           | 1.995.251                                                              | 1.274.907        | 749.344          |                          |                              |                           | 1.685.213                                                            | 551.043          | 1.134.170        |                          |                              |            |         |  |
| A   | Theo ngành, lĩnh vực                                                  |             |                                 |          |                  |                   |                 |                                         | 20.398.048                     | 5.579.511     | 13.749.794     | 4.098.474                                                     | 1.950.617        | 2.147.857        |                          |                              |                           | 1.995.251                                                              | 1.274.907        | 749.344          |                          |                              |                           | 1.651.813                                                            | 517.643          | 1.134.170        |                          |                              |            |         |  |
| I   | Chuẩn bị đầu tư                                                       |             |                                 |          |                  |                   |                 |                                         | 164.178                        | 164.178       |                |                                                               |                  |                  |                          |                              |                           |                                                                        |                  |                  |                          |                              |                           | 500                                                                  |                  |                  |                          |                              |            |         |  |
| II  | Thực hiện dự án                                                       |             |                                 |          |                  |                   |                 |                                         | 20.233.870                     | 5.415.333     | 13.749.794     | 4.098.474                                                     | 1.950.617        | 2.147.857        |                          |                              |                           | 1.995.251                                                              | 1.274.907        | 749.344          |                          |                              |                           | 1.651.313                                                            | 517.143          | 1.134.170        |                          |                              |            |         |  |
| (1) | Các dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2025                             |             |                                 |          |                  |                   |                 |                                         | 3.422.507                      | 2.398.338     | 507.489        | 1.919.761                                                     | 635.829          | 1.283.932        |                          |                              |                           | 798.749                                                                | 344.066          | 454.683          |                          |                              |                           | 876.564                                                              | 254.214          | 622.350          |                          |                              |            |         |  |
|     | Dự án nhóm B                                                          |             |                                 |          |                  |                   |                 |                                         | 2.334.588                      | 1.580.554     | 278.103        | 1.279.364                                                     | 535.936          | 743.428          |                          |                              |                           | 453.458                                                                | 306.635          | 146.823          |                          |                              |                           | 608.858                                                              | 203.123          | 405.735          |                          |                              |            |         |  |
|     | Dự án nhóm C                                                          |             |                                 |          |                  |                   |                 |                                         | 1.060.758                      | 793.249       | 229.386        | 614.639                                                       | 74.135           | 540.504          | -                        | -                            | -                         | 336.234                                                                | 28.374           | 307.860          | -                        | -                            | -                         | 252.229                                                              | 35.614           | 216.615          | -                        | -                            | -          | -       |  |
| (2) | Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2025                         |             |                                 |          |                  |                   |                 |                                         | 16.535.692                     | 2.879.839     | 13.232.365     | 2.081.928                                                     | 1.308.788        | 773.140          | -                        | -                            | -                         | 1.190.406                                                              | 930.841          | 288.565          | -                        | -                            |                           | 700.575                                                              | 257.308          | 443.267          | -                        | -                            | -          | -       |  |
|     | Dự án nhóm B                                                          |             |                                 |          |                  |                   |                 |                                         | 1.361.627                      | 891.399       | 163.965        | 457.757                                                       | 213.130          | 244.627          | -                        | -                            | -                         | 187.411                                                                | 70.000           | 117.411          | -                        | -                            |                           | 239.135                                                              | 118.130          | 121.005          | -                        | -                            | -          | -       |  |
|     | Dự án nhóm C                                                          |             |                                 |          |                  |                   |                 |                                         | 1.122.163                      | 901.059       | 114.973        | 549.395                                                       | 75.658           | 473.737          | -                        | -                            | -                         | 129.594                                                                | -                | 158.594          | -                        | -                            |                           | 383.419                                                              | 74.129           | 309.290          | -                        | -                            | -          | -       |  |
| (3) | Các dự án khởi công mới năm 2025                                      |             |                                 |          |                  |                   |                 |                                         | 275.671                        | 137.156       | 9.940          | 96.785                                                        | 6.000            | 90.785           | -                        | -                            | -                         | 6.096                                                                  | -                | 6.096            | -                        | -                            | -                         | 74.174                                                               | 5.621            | 68.553           | -                        | -                            | -          | -       |  |
|     | Dự án nhóm B                                                          |             |                                 |          |                  |                   |                 |                                         | -                              | -             | -              | -                                                             | -                | -                | -                        | -                            | -                         | -                                                                      | -                | -                | -                        | -                            | -                         | -                                                                    | -                | -                | -                        | -                            | -          | -       |  |
|     | Dự án nhóm C                                                          |             |                                 |          |                  |                   |                 |                                         | 73.661                         | 68.029        | 9.940          | 68.703                                                        | 6.000            | 62.703           | -                        | -                            | -                         | 6.096                                                                  | -                | 6.096            | -                        | -                            | -                         | 48.073                                                               | 5.621            | 42.452           | -                        | -                            | -          | -       |  |
| B   | Bổ tri thực hiện nhiệm vụ khác                                        |             |                                 |          |                  |                   |                 |                                         |                                |               |                | 252.210                                                       | 247.210          | 5.000            |                          |                              |                           |                                                                        |                  |                  |                          |                              |                           | 33.400                                                               | 33.400           |                  |                          |                              |            |         |  |
| 1   | Trà nợ gốc và lãi vay                                                 |             |                                 |          |                  |                   |                 |                                         |                                |               |                | 182.210                                                       | 182.210          |                  |                          |                              |                           |                                                                        |                  |                  |                          |                              |                           | 23.400                                                               | 23.400           |                  |                          |                              |            |         |  |
| 3   | Thanh toán công nợ sau quyết toán (bao gồm chi phí quyết toán)        |             |                                 |          |                  |                   |                 |                                         |                                |               |                | 70.000                                                        | 65.000           | 5.000            |                          |                              |                           |                                                                        |                  |                  |                          |                              |                           | 10.000                                                               | 10.000           |                  |                          |                              |            |         |  |
|     | PHÂN BỐ CHI TIẾT NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG DO CẤP TỈNH QUẢN LÝ   |             |                                 |          |                  |                   |                 |                                         | 20.398.048                     | 5.579.511     | 13.749.794     | 4.350.684                                                     | 2.197.827        | 2.152.857        |                          |                              |                           | 1.995.251                                                              | 1.274.907        | 749.344          |                          |                              |                           | 1.685.213                                                            | 551.043          | 1.134.170        |                          |                              |            |         |  |
| A   | CHI TIẾT THEO NGÀNH, LĨNH VỰC                                         |             |                                 |          |                  |                   |                 |                                         | 20.398.048                     | 5.579.511     | 13.749.794     | 4.098.474                                                     | 1.950.617        | 2.147.857        |                          |                              |                           | 1.995.251                                                              | 1.274.907        | 749.344          |                          |                              |                           | 1.651.813                                                            | 517.643          | 1.134.170        |                          |                              |            |         |  |
| I   | QUỐC PHÒNG                                                            |             |                                 |          |                  |                   |                 |                                         | 5.621                          | 5.621         |                | 6.000                                                         | 6.000            |                  |                          |                              |                           |                                                                        |                  |                  |                          |                              |                           | 5.621                                                                | 5.621            |                  |                          |                              |            |         |  |
| B   | Thực hiện dự án                                                       |             |                                 |          |                  |                   |                 |                                         | 5.621                          | 5.621         |                | 6.000                                                         | 6.000            |                  |                          |                              |                           |                                                                        |                  |                  |                          |                              |                           | 5.621                                                                | 5.621            |                  |                          |                              |            |         |  |

| TT  | Danh mục dự án                                                                                                                             | Địa điểm XD | Địa điểm mở tài khoản của dự án | Mã dự án | Mã ngành kinh tế | Năng lực thiết kế                                                                                                            | Thời gian KC-HT | Quyết định đầu tư                                                                                 |                                |               |                | Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn NSDP |                  |                  |                          |                              |                           | Lấy kế bổ tri vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 bổ tri đến hết KH 2024 |                  |                  |                          |                              |                           | Dự kiến Kế hoạch đầu tư công năm 2025 nguồn vốn ngân sách địa phương |                  |                  |                          |                              | Chủ đầu tư               | Ghi chú                          |  |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|---------------------------------|----------|------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|---------------|----------------|---------------------------------------------------------------|------------------|------------------|--------------------------|------------------------------|---------------------------|------------------------------------------------------------------------|------------------|------------------|--------------------------|------------------------------|---------------------------|----------------------------------------------------------------------|------------------|------------------|--------------------------|------------------------------|--------------------------|----------------------------------|--|
|     |                                                                                                                                            |             |                                 |          |                  |                                                                                                                              |                 | Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành                                                           | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | TMDT          |                | Tổng số                                                       | Trong đó:        |                  |                          |                              |                           | Tổng số                                                                | Trong đó:        |                  |                          |                              |                           | Tổng số                                                              | Trong đó:        |                  |                          |                              |                          |                                  |  |
|     |                                                                                                                                            |             |                                 |          |                  |                                                                                                                              |                 |                                                                                                   |                                | Trong đó: NST | Nguồn vốn khác |                                                               | Đầu tư tập trung | Xổ số kiến thiết | Vốn thu tiền sử dụng đất | Bội chi ngân sách địa phương | vốn dự phòng 2023 và 2024 |                                                                        | Đầu tư tập trung | Xổ số kiến thiết | Vốn thu tiền sử dụng đất | Bội chi ngân sách địa phương | vốn dự phòng 2023 và 2024 |                                                                      | Đầu tư tập trung | Xổ số kiến thiết | Vốn thu tiền sử dụng đất | Bội chi ngân sách địa phương |                          |                                  |  |
| 1   | 2                                                                                                                                          | 3           | 4                               | 5        | 6                | 7                                                                                                                            | 8               | 9                                                                                                 | 10                             | 11            | 12             | 13=14+15+16+17+18                                             | 14               | 15               | 16                       | 17                           | 18                        | 19=20+21+22+23+24                                                      | 20               | 21               | 22                       | 23                           | 24                        | 25=26+27+28+29                                                       | 26               | 27               | 28                       | 29                           | 30                       | 31                               |  |
| (3) | Các dự án khởi công mới năm 2025                                                                                                           |             |                                 |          |                  |                                                                                                                              |                 |                                                                                                   | 5.621                          | 5.621         |                | 6.000                                                         | 6.000            |                  |                          |                              |                           |                                                                        |                  |                  |                          |                              |                           | 5.621                                                                | 5.621            |                  |                          |                              |                          |                                  |  |
| c   | Dự án nhóm C                                                                                                                               |             |                                 |          |                  |                                                                                                                              |                 |                                                                                                   | 5.621                          | 5.621         |                | 6.000                                                         | 6.000            |                  |                          |                              |                           |                                                                        |                  |                  |                          |                              |                           | 5.621                                                                | 5.621            |                  |                          |                              |                          |                                  |  |
| 1   | Cải tạo, nâng cấp doanh trại đại đội trình sát                                                                                             | CT          |                                 |          |                  |                                                                                                                              | 2024-2026       | 427/QĐ-SXD 30/09/2024                                                                             | 5.621                          | 5.621         |                | 6.000                                                         | 6.000            |                  |                          |                              |                           |                                                                        |                  |                  |                          |                              |                           | 5.621                                                                | 5.621            |                  |                          |                              | BCHQS tỉnh               |                                  |  |
| II  | AN NINH VÀ TRẬT TỰ, AN TOÀN XÃ HỘI                                                                                                         |             |                                 |          |                  |                                                                                                                              |                 |                                                                                                   | 197.552                        | 197.552       |                | 180.607                                                       | 180.607          |                  |                          |                              |                           | 98.802                                                                 | 98.802           |                  |                          |                              |                           | 67.493                                                               | 67.493           |                  |                          |                              |                          |                                  |  |
| B   | Thực hiện dự án                                                                                                                            |             |                                 |          |                  |                                                                                                                              |                 |                                                                                                   | 197.552                        | 197.552       |                | 180.607                                                       | 180.607          |                  |                          |                              |                           | 98.802                                                                 | 98.802           |                  |                          |                              |                           | 67.493                                                               | 67.493           |                  |                          |                              |                          |                                  |  |
| (1) | Các dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2025                                                                                                  |             |                                 |          |                  |                                                                                                                              |                 |                                                                                                   | 197.552                        | 197.552       | -              | 180.607                                                       | 180.607          | -                | -                        | -                            |                           | 98.802                                                                 | 98.802           | -                | -                        | -                            | -                         | 67.493                                                               | 67.493           | -                | -                        | -                            | -                        | -                                |  |
| b   | Dự án nhóm B                                                                                                                               |             |                                 |          |                  |                                                                                                                              |                 |                                                                                                   | 197.552                        | 197.552       | -              | 180.607                                                       | 180.607          | -                | -                        | -                            |                           | 98.802                                                                 | 98.802           | -                | -                        | -                            | -                         | 67.493                                                               | 67.493           | -                | -                        | -                            | -                        | -                                |  |
| 1   | Tạo quỹ đất đầu tư xây dựng Trại tạm giam Công an tỉnh                                                                                     | LX          | KBNNAG                          | 8012570  | 041              | 90.078,3m2                                                                                                                   | 2023-2025       | 34/QĐ-SKHDT 05/04/2023                                                                            | 99.863                         | 99.863        |                | 89.892                                                        | 89.892           |                  |                          |                              |                           | 75.230                                                                 | 75.230           |                  |                          |                              |                           | 350                                                                  | 350              |                  |                          |                              | Ban QLDA ĐTXD&KV PTĐT AG |                                  |  |
| 2   | Đầu tư xây dựng trụ sở công an xã, thị trấn trên địa bàn tỉnh An Giang                                                                     | Toàn tỉnh   |                                 |          |                  | Cải tạo, mở rộng và XD mới 27 trụ sở                                                                                         | 2022-2025       | 1060/QĐ-UBND 04/07/2023                                                                           | 97.689                         | 97.689        |                | 90.715                                                        | 90.715           |                  |                          |                              |                           | 23.572                                                                 | 23.572           |                  |                          |                              |                           | 67.143                                                               | 67.143           |                  |                          |                              | Công an tỉnh             |                                  |  |
| II  | GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO VÀ GIÁO DỤC NGHIỆP NGHIỆP                                                                                                |             |                                 |          |                  |                                                                                                                              |                 |                                                                                                   | 2.984.474                      | 2.400.206     | 398.957        | 1.689.539                                                     |                  | 1.689.539        |                          |                              |                           | 693.188                                                                |                  | 722.188          |                          |                              |                           | 930.075                                                              |                  | 930.075          |                          |                              |                          |                                  |  |
| B   | Thực hiện dự án                                                                                                                            |             |                                 |          |                  |                                                                                                                              |                 |                                                                                                   | 2.984.474                      | 2.400.206     | 398.957        | 1.689.539                                                     |                  | 1.689.539        |                          |                              |                           | 693.188                                                                |                  | 722.188          |                          |                              |                           | 930.075                                                              |                  | 930.075          |                          |                              |                          |                                  |  |
| (1) | Các dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2025                                                                                                  |             |                                 |          |                  |                                                                                                                              |                 |                                                                                                   | 1.519.597                      | 1.204.090     | 253.832        | 942.476                                                       |                  | 942.476          |                          |                              |                           | 440.183                                                                |                  | 440.183          |                          |                              |                           | 488.236                                                              |                  | 488.236          |                          |                              |                          |                                  |  |
| b   | Dự án nhóm B                                                                                                                               |             |                                 |          |                  |                                                                                                                              |                 |                                                                                                   | 687.677                        | 561.425       | 101.823        | 431.260                                                       | -                | 431.260          | -                        | -                            | -                         | 142.323                                                                | -                | 142.323          | -                        | -                            | -                         | 288.937                                                              | -                | 288.937          | -                        | -                            | -                        | -                                |  |
| 1   | Nâng cấp, mở rộng trường Trung cấp nghề Châu Đốc                                                                                           | CD          | KBNNAG                          | 7601879  | 092              | 26,886m2                                                                                                                     | 2022-2025       | 2318/QĐ-UBND 01/8/2017; 2163/QĐ-UBND 10/9/2019; 3084/QĐ-UB 27/12/2021; 607/QĐ-UBND ngày 11/4/2024 | 74.150                         | 70.150        |                | 73.818                                                        |                  | 73.818           |                          |                              |                           | 26.183                                                                 |                  | 26.183           |                          |                              |                           | 47.635                                                               |                  | 47.635           |                          |                              |                          | Ban QLDA ĐTXD&KV PTĐT AG         |  |
| 2   | Đề án mua sắm thiết bị phòng học bộ môn Ngoại ngữ cho cấp tiểu học và trung học trên địa bàn tỉnh An Giang gđ 2021-2025                    | Toàn tỉnh   | KBNNAG                          | 7919110  | 075              | Mua sắm thiết bị 96 phòng học bộ môn ngoại ngữ cho một số điểm                                                               | 2022-2025       | 109/QĐ-SKHDT, 11/11/2021                                                                          | 73.948                         | 73.948        |                | 73.948                                                        |                  | 73.948           |                          |                              |                           | 49.400                                                                 |                  | 49.400           |                          |                              |                           | 24.548                                                               |                  | 24.548           |                          |                              |                          | Sở GD&ĐT                         |  |
| 3   | Dự án ĐTXD cải tạo, sửa chữa nhà vệ sinh và công trình nước sạch cho các trường trên địa bàn huyện Thoại Sơn giai đoạn 2021 - 2025         | TS          | KBNNAG                          | 8048461  | 309              | CT NVS                                                                                                                       | 2023-2026       | 1523/QĐ-UBND 20/9/2023                                                                            | 15.266                         | 9.556         | 5.710          | 6.908                                                         |                  | 6.908            |                          |                              |                           | 3.000                                                                  |                  | 3.000            |                          |                              |                           | 3.908                                                                |                  | 3.908            |                          |                              |                          | Ban QLDA ĐTXD KV huyện Thoại Sơn |  |
| 4   | Trường tiểu học và THCS nội trú Khánh An                                                                                                   | AP          | KBNNAG                          | 7981243  |                  | CT NVS                                                                                                                       | 2023-2026       | 1077/QĐ-UBND 07/7/2023                                                                            | 79.027                         | 58.598        |                | 52.949                                                        |                  | 52.949           |                          |                              |                           | 4.000                                                                  |                  | 4.000            |                          |                              |                           | 48.949                                                               |                  | 48.949           |                          |                              |                          | Ban QLDA ĐTXD KV huyện An Phú    |  |
| 5   | Đầu tư CSVC, thiết bị dạy học phục vụ CT giáo dục phổ thông giai đoạn 2021 - 2025 huyện An Phú                                             | AP          | KBNNAG                          | 7961663  |                  | Xây dựng mới và cải tạo phòng học và phòng tin học tại các điểm trường địa bàn huyện An Phú; Mua sắm bổ sung trang thiết bị. | 2024-2027       | 1080/QĐ-UBND 04/7/2024                                                                            | 200.959                        | 157.534       | 43.425         | 90.968                                                        |                  | 90.968           |                          |                              |                           | 5.000                                                                  |                  | 5.000            |                          |                              |                           | 85.968                                                               |                  | 85.968           |                          |                              |                          | Ban QLDA ĐTXD KV huyện An Phú    |  |
| 6   | Đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học phục vụ Chương trình giáo dục phổ thông mới giai đoạn 2021-2025 huyện Tri Tôn                      | TT          | KBNNAG                          | 8010920  | 309              | XD mới và cải tạo phòng học và XD mới và cải tạo phòng tin học tiểu học                                                      | 2024-2027       | 270/QĐ-UBND, 08/3/2023                                                                            | 166.273                        | 134.618       | 31.655         | 109.479                                                       |                  | 109.479          |                          |                              |                           | 54.740                                                                 |                  | 54.740           |                          |                              |                           | 54.739                                                               |                  | 54.739           |                          |                              |                          | Ban QLDA ĐTXD KV huyện Tri Tôn   |  |
| 7   | THCS Nguyễn Văn Tây                                                                                                                        | CM          | KBNNAG                          | 7878492  | 493              | 15.000m2                                                                                                                     | 2023 - 2026     | 2920/QĐ-UBND 02/12/2022                                                                           | 78.054                         | 57.021        | 21.033         | 23.190                                                        |                  | 23.190           |                          |                              |                           | -                                                                      |                  |                  |                          |                              |                           | 23.190                                                               |                  | 23.190           |                          |                              |                          | Ban QLDA ĐTXD KV huyện Chợ Mới   |  |
| c   | Dự án nhóm C                                                                                                                               |             |                                 |          |                  |                                                                                                                              |                 |                                                                                                   | 831.920                        | 642.665       | 152.009        | 511.216                                                       |                  | 511.216          |                          |                              |                           | 297.860                                                                |                  | 297.860          |                          |                              |                           | 199.299                                                              |                  | 199.299          |                          |                              |                          |                                  |  |
| 1   | Trường tiểu học B Định Mỹ Diêm chính (ấp Mỹ Phú)                                                                                           | TS          | KBNNAG                          | 8011342  | 072              | 4.199m2                                                                                                                      | 2023-2025       | 54/QĐ-UBND 12/01/2023                                                                             | 22.120                         | 16.827        | 5.293          | 15.144                                                        |                  | 15.144           |                          |                              |                           | 13.024                                                                 |                  | 13.024           |                          |                              |                           | 342                                                                  |                  | 342              |                          |                              |                          | Ban QLDA ĐTXD KV huyện Thoại Sơn |  |
| 2   | Trường tiểu học A Vĩnh Khánh Diêm chính (ấp Vĩnh Lợi)                                                                                      | TS          | KBNNAG                          | 8012538  | 072              | 4.130m2                                                                                                                      | 2023-2025       | 100/QĐ-UBND 02/02/2023                                                                            | 31.739                         | 24.384        | 7.355          | 21.945                                                        |                  | 21.945           |                          |                              |                           | 17.546                                                                 |                  | 17.546           |                          |                              |                           | 2.500                                                                |                  | 2.500            |                          |                              |                          | Ban QLDA ĐTXD KV huyện Thoại Sơn |  |
| 3   | Trường tiểu học A Vĩnh Chánh Diêm chính (ấp Dông An)                                                                                       | TS          | KBNNAG                          | 8011143  | 072              | 4.682,3m2                                                                                                                    | 2023-2025       | 2987/QĐ-UBND 09/12/2022                                                                           | 22.360                         | 17.069        | 5.291          | 15.363                                                        |                  | 15.363           |                          |                              |                           | 13.281                                                                 |                  | 13.281           |                          |                              |                           | 284                                                                  |                  | 284              |                          |                              |                          | Ban QLDA ĐTXD KV huyện Thoại Sơn |  |
| 4   | Trường tiểu học B Vĩnh Phú Diêm chính (ấp Trung Phú 3)                                                                                     | TS          | KBNNAG                          | 8010903  | 072              | 3.571,6m2                                                                                                                    | 2023-2025       | 3042/QĐ-UBND 15/12/2022                                                                           | 22.661                         | 16.894        | 5.767          | 15.205                                                        |                  | 15.205           |                          |                              |                           | 3.478                                                                  |                  | 3.478            |                          |                              |                           | 10.205                                                               |                  | 10.205           |                          |                              |                          | Ban QLDA ĐTXD KV huyện Thoại Sơn |  |
| 5   | Trường THCS Phước Hưng                                                                                                                     | AP          | KBNNAG                          | 7961664  | 073              | XD mới + TB1                                                                                                                 | 2023-2026       | 2571/QĐ-UBND 19/10/2022                                                                           | 51.163                         | 40.651        |                | 30.000                                                        |                  | 30.000           |                          |                              |                           | 5.000                                                                  |                  | 5.000            |                          |                              |                           | 25.000                                                               |                  | 25.000           |                          |                              |                          | Ban QLDA ĐTXD KV huyện An Phú    |  |
| 6   | Đã đầu tư xây dựng cải tạo, sửa chữa nhà vệ sinh và công trình nước sạch cho các điểm trường trên địa bàn huyện An Phú giai đoạn 2021-2025 | AP          | KB An Phú                       | 8023434  | 309              | - Nhà vệ sinh học sinh xây mới là 309 xi; trong đó: cấp mầm non, mẫu giáo 166                                                | 2023 - 2026     | 849/QĐ-UBND 13/6/2023; 3054/QĐ-UBND 15/12/2022                                                    | 30.070                         | 23.353        | 6.717          | 16.750                                                        |                  | 16.750           |                          |                              |                           | 10.000                                                                 |                  | 10.000           |                          |                              |                           | 6.750                                                                |                  | 6.750            |                          |                              |                          | Ban QLDA ĐTXD KV huyện An Phú    |  |

| TT | Danh mục dự án                                                                                                                  | Địa điểm XD | Địa điểm mở tài khoản của dự án | Mã dự án | Mã ngành kinh tế | Năng lực thiết kế                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Thời gian KC-HT | Quyết định đầu tư                             |                                |               |                | Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn NSDP |                  |                  |                          |                              |                           | Lấy kế bổ tri vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 bổ tri đến hết KH 2024 |                  |                  |                          |                              |                           | Dự kiến Kế hoạch đầu tư công năm 2025 nguồn vốn ngân sách địa phương |           |        |    |    | Chủ đầu tư | Ghi chú                         |  |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|---------------------------------|----------|------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|-----------------------------------------------|--------------------------------|---------------|----------------|---------------------------------------------------------------|------------------|------------------|--------------------------|------------------------------|---------------------------|------------------------------------------------------------------------|------------------|------------------|--------------------------|------------------------------|---------------------------|----------------------------------------------------------------------|-----------|--------|----|----|------------|---------------------------------|--|
|    |                                                                                                                                 |             |                                 |          |                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                 | Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành       | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | TMDT          |                | Tổng số                                                       | Trong đó:        |                  |                          |                              |                           | Tổng số                                                                | Trong đó:        |                  |                          |                              |                           | Tổng số                                                              | Trong đó: |        |    |    |            |                                 |  |
|    |                                                                                                                                 |             |                                 |          |                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                 |                                               |                                | Trong đó: NST | Nguồn vốn khác |                                                               | Đầu tư tập trung | Xổ số kiến thiết | Vốn thu tiền sử dụng đất | Bội chi ngân sách địa phương | vốn dự phòng 2023 và 2024 |                                                                        | Đầu tư tập trung | Xổ số kiến thiết | Vốn thu tiền sử dụng đất | Bội chi ngân sách địa phương | vốn dự phòng 2023 và 2024 |                                                                      |           |        |    |    |            |                                 |  |
|    |                                                                                                                                 |             |                                 |          |                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                 |                                               |                                |               |                |                                                               |                  |                  |                          |                              |                           |                                                                        |                  |                  |                          |                              |                           |                                                                      |           |        |    |    |            |                                 |  |
| 1  | 2                                                                                                                               | 3           | 4                               | 5        | 6                | 7                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 8               | 9                                             | 10                             | 11            | 12             | 13=14+15+16+17+18                                             | 14               | 15               | 16                       | 17                           | 18                        | 19=20+21+22+23+24                                                      | 20               | 21               | 22                       | 23                           | 24                        | 25=26+27+28+29                                                       | 26        | 27     | 28 | 29 | 30         | 31                              |  |
| 7  | Dự án ĐTXD cải tạo, sửa chữa nhà vệ sinh và công trình nước sạch cho các trường trên địa bàn huyện Trĩ Tôn giai đoạn 2021-2025  | TT          | KBNNAG                          | 8048462  | 309              | XD + C.tạo NVS, Ctr. nước sạch.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 2023 - 2026     | 132/QĐ-UBND 10/02/2023                        | 35.834                         | 24.831        | 11.003         | 17.451                                                        |                  | 17.451           |                          |                              |                           | 4.876                                                                  |                  | 4.876            |                          |                              |                           | 12.575                                                               |           | 12.575 |    |    |            | Ban QLDA ĐTXD KV huyện Trĩ Tôn  |  |
| 8  | Trường TH A Thanh Mỹ Tây (Tây An)                                                                                               | CP          | KBNNAG                          | 7934649  | 072              | 2.811m2                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 2023-2025       | 1675/QĐ-UBND 01/7/2022                        | 18.875                         | 14.261        |                | 32.799                                                        |                  | 32.799           |                          |                              |                           | 20.000                                                                 |                  | 20.000           |                          |                              |                           | 11.239                                                               |           | 11.239 |    |    |            | Ban QLDA ĐTXD KV huyện Châu Phú |  |
| 9  | Trường MG Bình Phú điểm phụ (Bình Đức)                                                                                          | CP          | KBCP                            | 8024518  | 071              | Xây mới 6 phòng học; Hà tâng kỹ thuật; Thiết bị; Mua đất 2.500m2                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 2023-2025       | 3236/QĐ-UBND 31/12/2021                       | 13.342                         | 9.559         | 3.783          | 8.529                                                         |                  | 8.529            |                          |                              |                           |                                                                        |                  |                  |                          |                              |                           | 8.529                                                                |           | 8.529  |    |    |            | Ban QLDA ĐTXD KV huyện Châu Phú |  |
| 10 | Dự án ĐTXD cải tạo, sửa chữa nhà vệ sinh và công trình nước sạch cho các trường trên địa bàn huyện Châu Phú giai đoạn 2021-2025 | CP          | KBCP                            | 8047960  | 309              | Xây dựng mới và cải tạo phòng học và phòng tin học tại các điểm trường địa bàn huyện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 2023-2026       | 1509/QĐ-UBND 18/9/2023                        | 15.553                         | 9.747         | 5.806          | 9.747                                                         |                  | 9.747            |                          |                              |                           | 6000                                                                   |                  | 6000             |                          |                              |                           | 3.747                                                                |           | 3.747  |    |    |            | Ban QLDA ĐTXD KV huyện Châu Phú |  |
| 11 | Trường THCS Lê Hùng Nhượng                                                                                                      | CM          | KBNNAG                          | 7928751  | 073              | 13.106m2                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 2024-2026       | 3307/QĐ-UBND 31/12/2021                       | 32.382                         | 25.104        | 7.278          | 11.411                                                        |                  | 11.411           |                          |                              |                           | 6000                                                                   |                  | 6000             |                          |                              |                           | 5.411                                                                |           | 5.411  |    |    |            | Ban QLDA ĐTXD KV huyện Chợ Mới  |  |
| 12 | Trường THCS Dương Bình Giang                                                                                                    | CM          | KBNNAG                          | 7879482  | 073              | - Xây mới: Khối phòng học tập, khối phòng hành chính quản trị, các hạng mục thuộc khối                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 2024 - 2026     | 3309/QĐ-UBND 31/12/2021                       | 28.642                         | 22.179        | 6.463          | 9.598                                                         |                  | 9.598            |                          |                              |                           | 5.000                                                                  |                  | 5.000            |                          |                              |                           | 4.598                                                                |           | 4.598  |    |    |            | Ban QLDA ĐTXD KV huyện Chợ Mới  |  |
| 13 | Trường THCS Hoàng Hiệp                                                                                                          | CM          | KBNNAG                          | 7879491  | 073              | 2.817m2                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 2024-2026       | 3308/QĐ-UBND 31/12/2021                       | 30.458                         | 23.292        | 7.166          | 12.344                                                        |                  | 12.344           |                          |                              |                           | 7.000                                                                  |                  | 7.000            |                          |                              |                           | 5.344                                                                |           | 5.344  |    |    |            | Ban QLDA ĐTXD KV huyện Chợ Mới  |  |
| 14 | Trường THCS Phan Thành Long                                                                                                     | CM          | KBNNAG                          | 7910642  | 073              | 13.962m2                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 2024-2026       | 3140/QĐ-UBND 27/12/2022                       | 29.498                         | 21.694        | 7.804          | 9.773                                                         |                  | 9.773            |                          |                              |                           | 5.000                                                                  |                  | 5.000            |                          |                              |                           | 4.773                                                                |           | 4.773  |    |    |            | Ban QLDA ĐTXD KV huyện Chợ Mới  |  |
| 15 | Trường THCS Nguyễn Kim Nha                                                                                                      | CM          | KBNNAG                          | 7952966  | 073              | Phòng học, TTB...                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 2024-2026       | 716/QĐ-UBND 13/4/2022                         | 19.312                         | 13.868        | 5.444          | 6.261                                                         |                  | 6.261            |                          |                              |                           | 3.000                                                                  |                  | 3.000            |                          |                              |                           | 3.261                                                                |           | 3.261  |    |    |            | Ban QLDA ĐTXD KV huyện Chợ Mới  |  |
| 16 | Trường THCS Long Giang                                                                                                          | CM          | KBNNAG                          | 7883349  | 073              | 1.953m2                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 2024-2026       | 3311/QĐ-UBND 31/12/2021                       | 27.856                         | 21.482        | 6.374          | 9.382                                                         |                  | 9.382            |                          |                              |                           | 5.000                                                                  |                  | 5.000            |                          |                              |                           | 4.382                                                                |           | 4.382  |    |    |            | Ban QLDA ĐTXD KV huyện Chợ Mới  |  |
| 17 | Dự án ĐTXD cải tạo, sửa chữa nhà vệ sinh và công trình nước sạch cho các trường trên địa bàn huyện Chợ Mới giai đoạn 2021-2025  | CM          | KBNNCM                          | 8033665  | 309              | XD + C.tạo NVS, Ctr. nước sạch.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 2023-2026       | 264/QĐ-SXD 12/6/2023                          | 8.682                          | 6.719         | 1.963          | 6.719                                                         |                  | 6.719            |                          |                              |                           | 3.000                                                                  |                  | 3.000            |                          |                              |                           | 3.719                                                                |           | 3.719  |    |    |            | Ban QLDA ĐTXD KV huyện Chợ Mới  |  |
| 18 | Trường TH B Phú Mỹ                                                                                                              | PT          | KBNNAG                          | 7972455  | 072              | CT: 10PH, PNN, PTB, PTT-HDD, PHT, PPHT, PVT, NVSHS, NVSGV, HTKT, TB, XDM; PGDTC, PKHCN, PTH, PTV, PGDNT                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 2023-2025       | 472/QĐ-UBND 13/4/2023; 1015/QĐ-UBND 20/6/2024 | 28.905                         | 23.195        |                | 20.880                                                        |                  | 20.880           |                          |                              |                           | 6.500                                                                  |                  | 6.500            |                          |                              |                           | 14.380                                                               |           | 14.380 |    |    |            | Ban QLDA ĐTXD KV huyện Phú Tân  |  |
| 19 | Trường TH Tân Trung điểm chính ( Tân Thành)                                                                                     | PT          | KBNNAG                          | 7961937  | 072              | CT: 10PH, NVSHS, TB, XDM 07PH, PNN, PGDTC, PGDNT, PKHCN, PTN, PTV, PTB, Kho, PTT-HDD, PHT, PPHT, VP, CT: 10PH, NVSHS, TB, XDM 07PH, PNN, PGDTC, PGDNT, PKHCN, PTN, PTV, PTB, Kho, PTT-HDD, PHT, PPHT, VP, CT: 10PH, NVSHS, TB, XDM 07PH, PNN, PGDTC, PGDNT, PKHCN, PTN, PTV, PTB, Kho, PTT-HDD, PHT, PPHT, VP, CT: 10PH, NVSHS, TB, XDM 07PH, PNN, PGDTC, PGDNT, PKHCN, PTN, PTV, PTB, Kho, PTT-HDD, PHT, PPHT, VP, CT: 10PH, NVSHS, TB, XDM 07PH, PNN, PGDTC, PGDNT, PKHCN, PTN, PTV, PTB, Kho, PTT-HDD, PHT, PPHT, VP, CT: 10PH, NVSHS, TB, XDM 07PH, PNN, PGDTC, PGDNT, PKHCN, PTN, PTV, PTB, Kho, PTT-HDD, PHT, PPHT, VP, CT: 10PH, NVSHS, TB, XDM 07PH, PNN, PGDTC, PGDNT, PKHCN, PTN, PTV, PTB, Kho, PTT-HDD, PHT, PPHT, VP, CT: 10PH, NVSHS, TB, XDM 07PH, PNN, PGDTC, PGDNT, PKHCN, PTN, PTV, PTB, Kho, PTT-HDD, PHT, PPHT, VP, CT: 10PH, NVSHS, TB, XDM 07PH, PNN, PGDTC, PGDNT, PKHCN, PTN, PTV, PTB, Kho, PTT-HDD, PHT, PPHT, VP, CT: 10PH, NVSHS, TB, XDM 07PH, PNN, PGDTC, PGDNT, PKHCN, PTN, PTV, PTB, Kho, PTT-HDD, PHT, PPHT, VP, CT: 10PH, NVSHS, TB, XDM 07PH, PNN, PGDTC, PGDNT, PKHCN, PTN, PTV, PTB, Kho, PTT-HDD, PHT, PPHT, VP, CT: 10PH, NVSHS, TB, XDM 07PH, PNN, PGDTC, PGDNT, PKHCN, PTN, PTV, PTB, Kho, PTT-HDD, PHT, PPHT, VP, CT: 10PH, NVSHS, TB, XDM 07PH, PNN, PGDTC, PGDNT, PKHCN, PTN, PTV, PTB, Kho, PTT-HDD, PHT, PPHT, VP, CT: 10PH, NVSHS, TB, XDM 07PH, PNN, PGDTC, PGDNT, PKHCN, PTN, PTV, PTB, Kho, PTT-HDD, PHT, PPHT, VP, CT: 10PH, NVSHS, TB, XDM 07PH, PNN, PGDTC, PGDNT, PKHCN, PTN, PTV, PTB, Kho, PTT-HDD, PHT, PPHT, VP, CT: 10PH, NVSHS, TB, XDM 07PH, PNN, PGDTC, PGDNT, PKHCN, PTN, PTV, PTB, Kho, PTT-HDD, PHT, PPHT, VP, CT: 10PH, NVSHS, TB, XDM 07PH, PNN, PGDTC, PGDNT, PKHCN, PTN, PTV, PTB, Kho, PTT-HDD, PHT, PPHT, VP, CT: 10PH, NVSHS, TB, XDM 07PH, PNN, PGDTC, PGDNT, PKHCN, PTN, PTV, PTB, Kho, PTT-HDD, PHT, PPHT, VP, CT: 10PH, NVSHS, TB, XDM 07PH, PNN, PGDTC, PGDNT, PKHCN, PTN, PTV, PTB, Kho, PTT-HDD, PHT, PPHT, VP, CT: 10PH, NVSHS, TB, XDM 07PH, PNN, PGDTC, PGDNT, PKHCN, PTN, PTV, PTB, Kho, PTT-HDD, PHT, PPHT, VP, CT: 10PH, NVSHS, TB, XDM 07PH, PNN, PGDTC, PGDNT, PKHCN, PTN, PTV, PTB, Kho, PTT-HDD, PHT, PPHT, VP, CT: 10PH, NVSHS, TB, XDM 07PH, PNN, PGDTC, PGDNT, PKHCN, PTN, PTV, PTB, Kho, PTT-HDD, PHT, PPHT, VP, CT: 10PH, NVSHS, TB, XDM 07PH, PNN, PGDTC, PGDNT, PKHCN, PTN, PTV, PTB, Kho, PTT-HDD, PHT, PPHT, VP, CT: 10PH, NVSHS, TB, XDM 07PH, PNN, PGDTC, PGDNT, PKHCN, PTN, PTV, PTB, Kho, PTT-HDD, PHT, PPHT, VP, CT: 10PH, NVSHS, TB, XDM 07PH, PNN, PGDTC, PGDNT, PKHCN, PTN, PTV, PTB, Kho, PTT-HDD, PHT, PPHT, VP, CT: 10PH, NVSHS, TB, XDM 07PH, PNN, PGDTC, PGDNT, PKHCN, PTN, PTV, PTB, Kho, PTT-HDD, PHT, PPHT, VP, CT: 10PH, NVSHS, TB, XDM 07PH, PNN, PGDTC, PGDNT, PKHCN, PTN, PTV, PTB, Kho, PTT-HDD, PHT, PPHT, VP, CT: 10PH, NVSHS, TB, XDM 07PH, PNN, PGDTC, PGDNT, PKHCN, PTN, PTV, PTB, Kho, PTT-HDD, PHT, PPHT, VP, CT: 10PH, NVSHS, TB, XDM 07PH, PNN, PGDTC, PGDNT, PKHCN, PTN, PTV, PTB, Kho, PTT-HDD, PHT, PPHT, VP, CT: 10PH, NVSHS, TB, XDM 07PH, PNN, PGDTC, PGDNT, PKHCN, PTN, PTV, PTB, Kho, PTT-HDD, PHT, PPHT, VP, CT: 10PH, NVSHS, TB, XDM 07PH, PNN, PGDTC, PGDNT, PKHCN, PTN, PTV, PTB, Kho, PTT-HDD, PHT, PPHT, VP, CT: 10PH, NVSHS, TB, XDM 07PH, PNN, PGDTC, PGDNT, PKHCN, PTN, PTV, PTB, Kho, PTT-HDD, PHT, PPHT, VP, CT: 10PH, NVSHS, TB, XDM 07PH, PNN, PGDTC, PGDNT, PKHCN, PTN, PTV, PTB, Kho, PTT-HDD, PHT, PPHT, VP, CT: 10PH, NVSHS, TB, XDM 07PH, PNN, PGDTC, PGDNT, PKHCN, PTN, PTV, PTB, Kho, PTT-HDD, PHT, PPHT, VP, CT: 10PH, NVSHS, TB, XDM 07PH, PNN, PGDTC, PGDNT, PKHCN, PTN, PTV, PTB, Kho, PTT-HDD, PHT, PPHT, VP, CT: 10PH, NVSHS, TB, XDM 07PH, PNN, PGDTC, PGDNT, PKHCN, PTN, PTV, PTB, Kho, PTT-HDD, PHT, PPHT, VP, CT: 10PH, NVSHS, TB, XDM 07PH, PNN, PGDTC, PGDNT, PKHCN, PTN, PTV, PTB, Kho, PTT-HDD, PHT, PPHT, VP, CT: 10PH, NVSHS, TB, XDM 07PH, PNN, PGDTC, PGDNT, PKHCN, PTN, PTV, PTB, Kho, PTT-HDD, PHT, PPHT, VP, CT: 10PH, NVSHS, TB, XDM 07PH, PNN, PGDTC, PGDNT, PKHCN, PTN, PTV, PTB, Kho, PTT-HDD, PHT, PPHT, VP, CT: 10PH, NVSHS, TB, XDM 07PH, PNN, PGDTC, PGDNT, PKHCN, PTN, PTV, PTB, Kho, PTT-HDD, PHT, PPHT, VP, CT: 10PH, NVSHS, TB, XDM 07PH, PNN, PGDTC, PGDNT, PKHCN, PTN, PTV, PTB, Kho, PTT-HDD, PHT, PPHT, VP, CT: 10PH, NVSHS, TB, XDM 07PH, PNN, PGDTC, PGDNT, PKHCN, PTN, PTV, PTB, Kho, PTT-HDD, PHT, PPHT, VP, CT: 10PH, NVSHS, TB, XDM 07PH, PNN, PGDTC, PGDNT, PKHCN, PTN, PTV, PTB, Kho, PTT-HDD, PHT, PPHT, VP, CT: 10PH, NVSHS, TB, XDM 07PH, PNN, PGDTC, PGDNT, PKHCN, PTN, PTV, PTB, Kho, PTT-HDD, PHT, PPHT, VP, CT: 10PH, NVSHS, TB, XDM 07PH, PNN, PGDTC, PGDNT, PKHCN, PTN, PTV, PTB, Kho, PTT-HDD, PHT, PPHT, VP, CT: 10PH, NVSHS, TB, XDM 07PH, PNN, PGDTC, PGDNT, PKHCN, PTN, PTV, PTB, Kho, PTT-HDD, PHT, PPHT, VP, CT: 10PH, NVSHS, TB, XDM 07PH, PNN, PGDTC, PGDNT, PKHCN, PTN, PTV, PTB, Kho, PTT-HDD, PHT, PPHT, VP, CT: 10PH, NVSHS, TB, XDM 07PH, PNN, PGDTC, PGDNT, PKHCN, PTN, PTV, PTB, Kho, PTT-HDD, PHT, PPHT, VP, CT: 10PH, NVSHS, TB, XDM 07PH, PNN, PGDTC, PGDNT, PKHCN, PTN, PTV, PTB, Kho, PTT-HDD, PHT, PPHT, VP, CT: 10PH, NVSHS, TB, XDM 07PH, PNN, PGDTC, PGDNT, PKHCN, PTN, PTV, PTB, Kho, PTT-HDD, PHT, PPHT, VP, CT: 10PH, NVSHS, TB, XDM 07PH, PNN, PGDTC, PGDNT, PKHCN, PTN, PTV, PTB, Kho, PTT-HDD, PHT, PPHT, VP, CT: 10PH, NVSHS, TB, XDM 07PH, PNN, PGDTC, PGDNT, PKHCN, PTN, PTV, PTB, Kho, PTT-HDD, PHT, PPHT, VP, CT: 10PH, NVSHS, TB, XDM 07PH, PNN, PGDTC, PGDNT, PKHCN, PTN, PTV, PTB, Kho, PTT-HDD, PHT, PPHT, VP, CT: 10PH, NVSHS, TB, XDM 07PH, PNN, PGDTC, PGDNT, PKHCN, PTN, PTV, PTB, Kho, PTT-HDD, PHT, PPHT, VP, CT: 10PH, NVSHS, TB, XDM 07PH, PNN, PGDTC, PGDNT, PKHCN, PTN, PTV, PTB, Kho, PTT-HDD, PHT, PPHT, VP, CT: 10PH, NVSHS, TB, XDM 07PH, PNN, PGDTC, PGDNT, PKHCN, PTN, PTV, PTB, Kho, PTT-HDD, PHT, PPHT, VP, CT: 10PH, NVSHS, TB, XDM 07PH, PNN, PGDTC, PGDNT, PKHCN, PTN, PTV, PTB, Kho, PTT-HDD, PHT, PPHT, VP, CT: 10PH, NVSHS, TB, XDM 07PH, PNN, PGDTC, PGDNT, PKHCN, PTN, PTV, PTB, Kho, PTT-HDD, PHT, PPHT, VP, CT: 10PH, NVSHS, TB, XDM 07PH, PNN, PGDTC, PGDNT, PKHCN, PTN, PTV, PTB, Kho, PTT-HDD, PHT, PPHT, VP, CT: 10PH, NVSHS, TB, XDM 07PH, PNN, PGDTC, PGDNT, PKHCN, PTN, PTV, PTB, Kho, PTT-HDD, PHT, PPHT, VP, CT: 10PH, NVSHS, TB, XDM 07PH, PNN, PGDTC, PGDNT, PKHCN, PTN, PTV, PTB, Kho, PTT-HDD, PHT, PPHT, VP, |                 |                                               |                                |               |                |                                                               |                  |                  |                          |                              |                           |                                                                        |                  |                  |                          |                              |                           |                                                                      |           |        |    |    |            |                                 |  |



| TT  | Danh mục dự án                                                                                                                                                                      | Địa điểm XD   | Địa điểm mở tài khoản của dự án | Mã dự án | Mã ngành kinh tế | Năng lực thiết kế                                                                                                 | Thời gian KC-HT | Quyết định đầu tư                              |                                |               |                | Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn NSDP |                  |                  |                          |                              |         | Lấy kế bổ tri vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 bổ tri đến hết KH 2024 |                  |                  |                          |         |                              | Dự kiến Kế hoạch đầu tư công năm 2025 nguồn vốn ngân sách địa phương |    |        |    |    | Chủ đầu tư | Ghi chú                           |   |  |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|---------------------------------|----------|------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|------------------------------------------------|--------------------------------|---------------|----------------|---------------------------------------------------------------|------------------|------------------|--------------------------|------------------------------|---------|------------------------------------------------------------------------|------------------|------------------|--------------------------|---------|------------------------------|----------------------------------------------------------------------|----|--------|----|----|------------|-----------------------------------|---|--|
|     |                                                                                                                                                                                     |               |                                 |          |                  |                                                                                                                   |                 | Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành        | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | TMDT          |                | Tổng số                                                       | Trong đó:        |                  |                          |                              | Tổng số | Trong đó:                                                              |                  |                  |                          | Tổng số | Trong đó:                    |                                                                      |    |        |    |    |            |                                   |   |  |
|     |                                                                                                                                                                                     |               |                                 |          |                  |                                                                                                                   |                 |                                                |                                | Trong đó: NST | Nguồn vốn khác |                                                               | Đầu tư tập trung | Xổ số kiến thiết | Vốn thu tiền sử dụng đất | Bội chi ngân sách địa phương |         | vốn dự phòng 2023 và 2024                                              | Đầu tư tập trung | Xổ số kiến thiết | Vốn thu tiền sử dụng đất |         | Bội chi ngân sách địa phương | vốn dự phòng 2023 và 2024                                            |    |        |    |    |            |                                   |   |  |
|     |                                                                                                                                                                                     |               |                                 |          |                  |                                                                                                                   |                 |                                                |                                |               |                |                                                               |                  |                  |                          |                              |         |                                                                        |                  |                  |                          |         |                              |                                                                      |    |        |    |    |            |                                   |   |  |
| 1   | 2                                                                                                                                                                                   | 3             | 4                               | 5        | 6                | 7                                                                                                                 | 8               | 9                                              | 10                             | 11            | 12             | 13=14+15+16+17+18                                             | 14               | 15               | 16                       | 17                           | 18      | 19=20+21+22+23+24                                                      | 20               | 21               | 22                       | 23      | 24                           | 25=26+27+28+29                                                       | 26 | 27     | 28 | 29 | 30         | 31                                |   |  |
| 12  | Trường THCS Tân Trung                                                                                                                                                               | PT            | KBNNAG                          | 7988773  | 073              | XD mới và cải tạo các khối phòng học tập, phòng chức năng, xây mới 20 phòng học, phòng chức năng, sân thể thao.   | 2024-2026       | 2174/QĐ-UBND 29/12/2023                        | 33.251                         | 26.200        |                | 10.546                                                        |                  | 10.546           |                          |                              |         | 100                                                                    |                  | 100              |                          |         |                              | 10.446                                                               |    | 10.446 |    |    |            | Ban QLDA ĐTXD KV huyện Phú Tân    |   |  |
| 13  | Trường Mầm Non Phú Mỹ                                                                                                                                                               | PT            | KBNNAG                          | 8020679  | 071              | Xây mới 20 phòng học, phòng chức năng, sân thể thao.                                                              | 2023-2026       | 2149/QĐ-UBND 28/12/2023                        | 67.873                         | 53.033        |                | 31.327                                                        |                  | 31.327           |                          |                              |         | -                                                                      |                  |                  |                          |         |                              | 31.327                                                               |    | 31.327 |    |    |            | Ban QLDA ĐTXD KV huyện Phú Tân    |   |  |
| 14  | Trường THCS Phú Thọ                                                                                                                                                                 | PT            | KBNNAG                          | 7919109  | 073              | Xây mới 10 phòng học + PCN + HTKT + sân vận động.                                                                 | 2023-2026       | 2170/QĐ-UBND 21/9/2021; 1944/QĐ-UBND 03/8/2022 | 72.431                         | 56.531        |                | 27.031                                                        |                  | 27.031           |                          |                              |         | 27.031                                                                 |                  | 27.031           |                          |         |                              |                                                                      |    |        |    |    |            | Ban QLDA ĐTXD KV huyện Phú Tân    |   |  |
| 15  | Dự án ĐTXD cải tạo cơ sở NVS và công trình nước sạch cho các trường trên địa bàn huyện Phú Tân gđ 2021-2025                                                                         | Toàn huyện PT | KBH                             | 8017715  | 309              | Nhà vệ sinh học sinh: xây mới 214 xi + cải tạo 280 xi<br>- Nhà vệ sinh mới và cải tạo mới.                        | 2023-2026       | 259/QĐ-UBND 07/3/2023                          | 19.966                         | 13.594        |                | 12.235                                                        |                  | 12.235           |                          |                              |         | 5.000                                                                  |                  | 5.000            |                          |         |                              | 7.235                                                                |    | 7.235  |    |    |            | Ban QLDA ĐTXD KV huyện Phú Tân    |   |  |
| 16  | Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi                                                                                                                                                         | TB            | Kho bạc tỉnh + huyện            | 7929115  | 073              | 6.107 m2 (trong đó mua mới 1.633 m2 đất)                                                                          | 2024-2026       | 3292/QĐ-UBND 31/12/2021                        | 39.313                         | 30.303        | 9.010          | 17.544                                                        |                  | 17.544           |                          |                              |         | -                                                                      |                  |                  |                          |         |                              | 17.544                                                               |    | 17.544 |    |    |            | Ban QLDA ĐTXD KV TX.Tỉnh Biên     |   |  |
| 17  | Dự án ĐTXD cải tạo, sửa chữa nhà vệ sinh và công trình nước sạch cho các trường trên địa bàn thị xã Tân Châu giai đoạn 2021-2025                                                    | TC            | KBNNAG                          | 8028612  | 309              | Xây dựng mới và cải tạo phòng học và phòng tin học tại các điểm trường địa bàn thị xã Tân Châu; Mua sắm bàn, ghế. | 2023-2025       | Số 670/QĐ-UBND 16/5/2023                       | 20.978                         | 12.491        | 8.487          | 11.780                                                        |                  | 11.780           |                          |                              |         | 11.780                                                                 |                  | 11.780           |                          |         |                              |                                                                      |    |        |    |    |            | Ban QLDA ĐTXD KV TX.Tân Châu      |   |  |
| 18  | Trường THCS Vĩnh Hòa                                                                                                                                                                | TC            | KBNNAG                          | 7901122  | 073              | Xây mới: 02 phòng học và Khôi phục học tập, Khôi phục                                                             | 2024-2026       | 1895/QĐ-UBND 24/11/2023                        | 40.994                         | 31.776        |                | 14.128                                                        |                  | 14128            |                          |                              |         | 7.000                                                                  |                  | 7.000            |                          |         |                              | 7.128                                                                |    | 7.128  |    |    |            | Ban QLDA ĐTXD KV TX.Tân Châu      |   |  |
| 19  | Trường MG Tân Phú điểm chính (Tân Lợi)                                                                                                                                              | CT            | KBNNAG                          | 8071399  | 071              | 5.519m2                                                                                                           | 2023-2026       | 63/QĐ-UBND 05/01/2024; 772/QĐ-UBND 13/5/2024   | 25.382                         | 18.057        |                | 16.531                                                        |                  | 16.531           |                          |                              |         | 5.000                                                                  |                  | 5.000            |                          |         |                              | 7.000                                                                |    | 7.000  |    |    |            | Ban QLDA ĐTXD KV huyện Châu Thành |   |  |
| 20  | Trường TH Vĩnh Lợi điểm chính (Hòa Lợi 1)                                                                                                                                           | CT            | KBNNAG                          | 8042959  | 072              | 6.103m2                                                                                                           | 2023-2026       | 1325/QĐ-UBND 17/8/2023; 961/QĐ-UBND 12/6/2024  | 41.122                         | 29.942        | 11.180         | 27.485                                                        |                  | 27.485           |                          |                              |         | 10.000                                                                 |                  | 10.000           |                          |         |                              | 17.000                                                               |    | 17.000 |    |    |            | Ban QLDA ĐTXD KV huyện Châu Thành |   |  |
| 21  | Trường TH A Vĩnh An điểm chính (Vĩnh Quới)                                                                                                                                          | CT            | KBNNAG                          | 8037332  | 072              | 7.010m2                                                                                                           | 2023-2026       | 1122/QĐ-UBND 13/7/2023; 771/QĐ-UBND 13/5/2024  | 37.735                         | 28.259        | 9.476          | 25.904                                                        |                  | 25.904           |                          |                              |         | 8.000                                                                  |                  | 8.000            |                          |         |                              | 15.000                                                               |    | 15.000 |    |    |            | Ban QLDA ĐTXD KV huyện Châu Thành |   |  |
| 22  | Trường THCS Vĩnh Hạnh                                                                                                                                                               | CT            | KBNNAG                          | 7977068  | 073              | 11.189m2                                                                                                          | 2024-2026       | 2309/QĐ-UBND 15/9/2022                         | 44.268                         | 32.205        |                | 14.496                                                        |                  | 14.496           |                          |                              |         |                                                                        | 5.000            |                  |                          |         |                              | 9.496                                                                |    | 9.496  |    |    |            | Ban QLDA ĐTXD KV huyện Châu Thành |   |  |
| 23  | Trường THCS Hòa Bình Thanh điểm chính (Hòa Thành)                                                                                                                                   | CT            | KBNNAG                          | 7988714  | 073              | 7.965m2                                                                                                           | 2023-2026       | 2697/QĐ-UBND 08/11/2022                        | 53.348                         | 40.855        | 12.493         | 18.396                                                        |                  | 18.396           |                          |                              |         |                                                                        | 10.000           |                  |                          |         |                              | 18.396                                                               |    | 18.396 |    |    |            | Ban QLDA ĐTXD KV huyện Châu Thành |   |  |
| 24  | Trường THCS Bình Thạnh                                                                                                                                                              | CT            | KBNNAG                          | 8006139  | 073              | 7.850m2                                                                                                           | 2024-2026       | 3128/QĐ-UBND 26/12/2022                        | 42.361                         | 31.956        | 10.405         | 14.382                                                        |                  | 14.382           |                          |                              |         |                                                                        | 5.000            |                  |                          |         |                              | 9.382                                                                |    | 9.382  |    |    |            | Ban QLDA ĐTXD KV huyện Châu Thành |   |  |
| 25  | Trường THCS Vĩnh Lợi                                                                                                                                                                | CT            | KBNNAG                          | 8027342  | 073              | 5.400m2                                                                                                           | 2024-2026       | 474/QĐ-UBND 13/4/2023                          | 25.101                         | 19.461        | 5.640          | 8.761                                                         |                  | 8.761            |                          |                              |         |                                                                        | 4.000            |                  |                          |         |                              | 4.761                                                                |    | 4.761  |    |    |            | Ban QLDA ĐTXD KV huyện Châu Thành |   |  |
| 26  | Trường THCS Vĩnh An                                                                                                                                                                 | CT            | Kho bạc huyện                   | 8028963  | 073              | 6.050m2                                                                                                           | 2024-2026       | 715/QĐ-UBND 24/5/2023                          | 30.051                         | 23.335        | 6.716          | 10.500                                                        |                  | 10.500           |                          |                              |         |                                                                        | 5.000            |                  |                          |         |                              | 5.500                                                                |    | 5.500  |    |    |            | Ban QLDA ĐTXD KV huyện Châu Thành |   |  |
| 27  | Chương trình đầu tư xây dựng cải tạo, sửa chữa nhà vệ sinh và công trình nước sạch cho các điểm trường trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn 2021–2025 trên địa bàn huyện Châu Thành | CT            | KBNNAG                          | 8034288  | 309              | Xây mới 137 xi, cải tạo 207 xi                                                                                    | 2023-2026       | 145/QĐ-UBND 13/02/2023                         | 17.934                         | 10.225        | 7.709          | 7.810                                                         |                  | 7.810            |                          |                              |         | 2.877                                                                  |                  | 2.877            |                          |         |                              | 3.000                                                                |    | 3.000  |    |    |            | Ban QLDA ĐTXD KV huyện Châu Thành |   |  |
| 28  | Đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học phục vụ Chương trình giáo dục phổ thông mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện Châu Thành                                               | CT            | KBNNAG                          | 8036439  | 309              | Xây dựng mới và cải tạo phòng học và phòng tin học tại các điểm trường địa bàn tỉnh An Giang.                     | 2022-2025       | 1078/QĐ-UBND 07/7/2023                         | 85.584                         | 67.728        | 17.856         | 55.106                                                        |                  | 55.106           |                          |                              |         | 10.000                                                                 |                  | 10.000           |                          |         |                              | 39.106                                                               |    | 39.106 |    |    |            | Ban QLDA ĐTXD KV huyện Châu Thành |   |  |
| (3) | Các dự án khởi công mới năm 2025                                                                                                                                                    |               |                                 |          |                  |                                                                                                                   |                 |                                                | 66.036                         | 60.404        | 9.940          | 60.699                                                        | -                | 60.699           | -                        | -                            | -       | 6.000                                                                  | -                | 6.000            | -                        | -       | -                            | 40.544                                                               | -  | 40.544 | -  | -  | -          | -                                 |   |  |
| b   | Dự án nhóm B                                                                                                                                                                        |               |                                 |          |                  |                                                                                                                   |                 |                                                | -                              | -             | -              | -                                                             | -                | -                | -                        | -                            | -       | -                                                                      | -                | -                | -                        | -       | -                            | -                                                                    | -  | -      | -  | -  | -          | -                                 |   |  |
| c   | Dự án nhóm C                                                                                                                                                                        |               |                                 |          |                  |                                                                                                                   |                 |                                                | 66.036                         | 60.404        | 9.940          | 60.699                                                        | -                | 60.699           | -                        | -                            | -       | 6.000                                                                  | -                | 6.000            | -                        | -       | -                            | 40.544                                                               | -  | 40.544 | -  | -  | -          | -                                 | - |  |
| 1   | Cải tạo, nâng cấp, mua sắm thiết bị Trường trung học phổ thông chuyên Thoại Ngọc Hầu                                                                                                | LX            | KBNNAG                          | 8045377  | 074              | C. tạo: P.học, thí, hành lang, khối nhà đa năng.                                                                  | 2024-2025       | 102/QĐ-SXD 06/3/2024                           | 6.284                          | 6.284         |                | 7.054                                                         |                  | 7.054            |                          |                              |         | 3.000                                                                  |                  | 3.000            |                          |         |                              | 2.964                                                                |    | 2.964  |    |    |            | Ban QLDA ĐTXD&KV PTĐT AG          |   |  |
| 2   | Cải tạo, sửa chữa Trường THPT Thanh Mỹ Tây                                                                                                                                          | CP            | KBNNAG                          | 8045243  | 074              | Cải tạo khối 21 PH & Khu vệ sinh HS                                                                               | 2023-2025       | 289/QĐ-SXD 22/7/2024                           | 3.903                          | 3.903         |                | 4.042                                                         |                  | 4.042            |                          |                              |         | 1.000                                                                  |                  | 1.000            |                          |         |                              | 2.903                                                                |    | 2.903  |    |    |            | Ban QLDA ĐTXD&KV PTĐT AG          |   |  |
| 3   | Dự án Bổ sung trang thiết bị của Trường Chính trị Tôn Đức Thắng                                                                                                                     | LX            | KBNNAG                          | 8088894  | 074              | Xây dựng + thiết bị                                                                                               | 2023-2025       | 832/QĐ-UBND 22/5/2024                          | 8.177                          | 8.177         |                | 8.177                                                         |                  | 8.177            |                          |                              |         |                                                                        |                  |                  |                          |         |                              | 8.177                                                                |    | 8.177  |    |    |            | Ban QLDA ĐTXD&KV PTĐT AG          |   |  |

| TT  | Danh mục dự án                                                                              | Địa điểm XD | Địa điểm mở tài khoản của dự án | Mã dự án  | Mã ngành kinh tế | Năng lực thiết kế                                                              | Thời gian KC-HT  | Quyết định đầu tư                                                       |                                |               |                | Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn NSDP |                  |                  |                          |                              |                           | Lấy kế bổ tri vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 bổ tri đến hết KH 2024 |                  |                  |                          |                              |                           | Dự kiến Kế hoạch đầu tư công năm 2025 nguồn vốn ngân sách địa phương |                  |                  |                          |                                  | Chủ đầu tư                        | Ghi chú |  |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|---------------------------------|-----------|------------------|--------------------------------------------------------------------------------|------------------|-------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|---------------|----------------|---------------------------------------------------------------|------------------|------------------|--------------------------|------------------------------|---------------------------|------------------------------------------------------------------------|------------------|------------------|--------------------------|------------------------------|---------------------------|----------------------------------------------------------------------|------------------|------------------|--------------------------|----------------------------------|-----------------------------------|---------|--|
|     |                                                                                             |             |                                 |           |                  |                                                                                |                  | Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành                                 | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | TMDT          |                | Tổng số                                                       | Trong đó:        |                  |                          |                              |                           | Tổng số                                                                | Trong đó:        |                  |                          |                              |                           | Tổng số                                                              | Trong đó:        |                  |                          |                                  |                                   |         |  |
|     |                                                                                             |             |                                 |           |                  |                                                                                |                  |                                                                         |                                | Trong đó: NST | Nguồn vốn khác |                                                               | Đầu tư tập trung | Xổ số kiến thiết | Vốn thu tiền sử dụng đất | Bội chi ngân sách địa phương | vốn dự phòng 2023 và 2024 |                                                                        | Đầu tư tập trung | Xổ số kiến thiết | Vốn thu tiền sử dụng đất | Bội chi ngân sách địa phương | vốn dự phòng 2023 và 2024 |                                                                      | Đầu tư tập trung | Xổ số kiến thiết | Vốn thu tiền sử dụng đất | Bội chi ngân sách địa phương     |                                   |         |  |
|     |                                                                                             |             |                                 |           |                  |                                                                                |                  |                                                                         |                                |               |                |                                                               |                  |                  |                          |                              |                           |                                                                        |                  |                  |                          |                              |                           |                                                                      |                  |                  |                          |                                  |                                   |         |  |
| 1   | 2                                                                                           | 3           | 4                               | 5         | 6                | 7                                                                              | 8                | 9                                                                       | 10                             | 11            | 12             | 13=14+15+16+17+18                                             | 14               | 15               | 16                       | 17                           | 18                        | 19=20+21+22+23+24                                                      | 20               | 21               | 22                       | 23                           | 24                        | 25=26+27+28+29                                                       | 26               | 27               | 28                       | 29                               | 30                                | 31      |  |
| 4   | Trường TH Tân Thạnh điểm chính (Giồng Trãi Dền)                                             | TC          | KBNNAG                          | 7955594   | 072              | 6.297m2                                                                        | 2023-2025        | 1301/QĐ-UBND 23/8/2024                                                  | 28.053                         | 21.727        | 9.940          | 21.961                                                        |                  | 21.961           |                          |                              |                           | 2.000                                                                  |                  | 2.000            |                          |                              |                           | 16.000                                                               |                  | 16.000           |                          |                                  | Ban QLDA ĐTXD KV TX.Tân Châu      |         |  |
| 5   | Xây dựng 08 phòng học và thiết bị công trình Trường THPT Chi Lăng                           | TB          | KBNNAG                          | 8080817   | 074              | Xây dựng 08 phòng học và thiết bị .                                            | 2024-2026        | 482/QĐ-UBND ngày 23/10/2024                                             | 9.429                          | 9.429         |                | 10.363                                                        |                  | 10.363           |                          |                              |                           |                                                                        |                  |                  |                          |                              |                           | 4.500                                                                |                  | 4.500            |                          |                                  | Ban QLDA ĐTXD&KV PTĐT AG          |         |  |
| 6   | Trường MG Tân Thạnh điểm phụ (Tân Phú)                                                      | TC          | KBTC                            | 7953293   | 071              | Cải tạo: 04 phòng học, một số hạng mục thuộc khối phòng hành                   | 2023-2025        | 276/QĐ-SXD 15/7/2024                                                    | 10.190                         | 10.884        |                | 9.102                                                         |                  | 9.102            |                          |                              |                           |                                                                        |                  |                  |                          |                              |                           | 6.000                                                                |                  | 6.000            |                          |                                  | Ban QLDA ĐTXD KV TX.Tân Châu      |         |  |
| IV  | Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH                                                                    |             |                                 |           |                  |                                                                                |                  |                                                                         | 1.177.510                      | 607.707       | 60.000         | 378.937                                                       |                  | 378.937          |                          |                              |                           | 4.500                                                                  |                  | 4.500            |                          |                              |                           | 176.614                                                              |                  | 176.614          |                          |                                  |                                   |         |  |
| B   | Thực hiện dự án                                                                             |             |                                 |           |                  |                                                                                |                  |                                                                         | 1.177.510                      | 607.707       | 60.000         | 378.937                                                       |                  | 378.937          |                          |                              |                           | 4.500                                                                  |                  | 4.500            |                          |                              |                           | 176.614                                                              |                  | 176.614          |                          |                                  |                                   |         |  |
| (1) | Các dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2025                                                   |             |                                 |           |                  |                                                                                |                  |                                                                         | 853.366                        | 416.446       | 60.000         | 318.855                                                       |                  | 318.855          |                          |                              |                           | 4.500                                                                  |                  | 4.500            |                          |                              |                           | 121.513                                                              |                  | 121.513          |                          |                                  |                                   |         |  |
| b   | Dự án nhóm B                                                                                |             |                                 |           |                  |                                                                                |                  |                                                                         | 846.679                        | 409.759       | 60.000         | 312.168                                                       |                  | 312.168          |                          |                              |                           | 4.500                                                                  |                  | 4.500            |                          |                              |                           | 116.798                                                              |                  | 116.798          |                          |                                  |                                   |         |  |
| 1   | Nâng cấp trang thiết bị y tế cho Bệnh viện Sản - Nhi An Giang                               | LX          | KBNNAG                          | 7889785   | 132              | TTB                                                                            | 2022-2025        | 1024a/QĐ-UBND 16/5/2022; 2041/QĐ-UBND 14/12/2023                        | 479.316                        | 42.396        | 60.000         | 39.323                                                        |                  | 39.323           |                          |                              |                           | 4.500                                                                  |                  | 4.500            |                          |                              |                           | 16.798                                                               |                  | 16.798           |                          |                                  | Ban QLDA ĐTXD&KV PTĐT AG          |         |  |
| 2   | Bệnh viện Mắt -Tai Mũi Họng - Răng Hàm Mất tỉnh An Giang                                    | LX          | KBNNAG                          | 7897516   | 132              | 150 giường                                                                     | 2022-2025        | 3212/QĐ-UBND 30/12/2022; 991/QĐ-UBND 14/6/2024                          | 367.363                        | 367.363       |                | 272.845                                                       |                  | 272.845          |                          |                              |                           |                                                                        |                  |                  |                          |                              |                           | 100.000                                                              |                  | 100.000          |                          |                                  | Ban QLDA ĐTXD&KV PTĐT AG          |         |  |
| c   | Dự án nhóm C                                                                                |             |                                 |           |                  |                                                                                |                  |                                                                         | 6.687                          | 6.687         |                | 6.687                                                         |                  | 6.687            |                          |                              |                           |                                                                        |                  |                  |                          |                              |                           | 4.715                                                                |                  | 4.715            |                          |                                  |                                   |         |  |
| 1   | Trạm y tế xã Long Hòa                                                                       | PT          | KBNNAG                          | 8040634   | 132              | 425 m2                                                                         | 2023-2025        | 71/QĐ-SXD ngày 16/02/2024                                               | 6.687                          | 6.687         |                | 6.687                                                         |                  | 6.687,00         |                          |                              |                           |                                                                        |                  |                  |                          |                              |                           | 4.715                                                                |                  | 4.715            |                          |                                  | Ban QLDA ĐTXD KV huyện Phú Tân    |         |  |
| (2) | Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2025                                               |             |                                 |           |                  |                                                                                |                  |                                                                         | 122.134                        | 122.134       |                | 32.000                                                        |                  | 32.000           |                          |                              |                           |                                                                        |                  |                  |                          |                              |                           | 29.000                                                               |                  | 29.000           |                          |                                  |                                   |         |  |
| b   | Dự án nhóm B                                                                                |             |                                 |           |                  |                                                                                |                  |                                                                         | 122.134                        | 122.134       |                | 32.000                                                        |                  | 32.000           |                          |                              |                           |                                                                        |                  |                  |                          |                              |                           | 29.000                                                               |                  | 29.000           |                          |                                  |                                   |         |  |
| 1   | Dự án Phòng khám và quản lý sức khỏe cán bộ thuộc Ban Bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh | LX          | KBNNAG                          | 8050728   | 132              |                                                                                | 2024-2027        | 852/QĐ-UBND 24/5/2024                                                   | 122.134                        | 122.134       |                | 32.000                                                        |                  | 32.000           |                          |                              |                           |                                                                        |                  |                  |                          |                              |                           | 29.000                                                               |                  | 29.000           |                          |                                  | Ban QLDA ĐTXD&KV PTĐT AG          |         |  |
| (3) | Các dự án khởi công mới năm 2025                                                            |             |                                 |           |                  |                                                                                |                  |                                                                         | 202.010                        | 69.127        | -              | 28.082                                                        | -                | 28.082           | -                        | -                            | -                         | -                                                                      | -                | -                | -                        | -                            | -                         | 26.101                                                               | -                | 26.101           | -                        | -                                |                                   |         |  |
| b   | Dự án nhóm B                                                                                |             |                                 |           |                  |                                                                                |                  |                                                                         | 202.010                        | 69.127        | -              | 28.082                                                        | -                | 28.082           | -                        | -                            | -                         | -                                                                      | -                | -                | -                        | -                            | -                         | 26.101                                                               | -                | 26.101           | -                        | -                                |                                   | -       |  |
| 1   | Mở rộng khu điều trị nội trú (nội trú 2) Bệnh viện ĐKTTAG                                   | LX          |                                 |           |                  |                                                                                | 2024-2027        | 1355/QĐ-UBND 30/8/2024                                                  | 196.029                        | 63.146        |                | 22.101                                                        |                  | 22.101           |                          |                              |                           |                                                                        |                  |                  |                          |                              |                           | 22.101                                                               |                  | 22.101           |                          |                                  | Bệnh viện ĐKTTAG                  |         |  |
| 2   | Trạm y tế xã Bình Phú                                                                       | CP          | KBNNAG                          | 8050363   | 132              | khởi nhà chính, nhà xe, SSLMB, HT xử lý nước thải, HTKT, thiết bị              | 2023-2025        | 540/QĐ-UBND ngày 06/11/2024                                             | 5.981                          | 5.981         |                | 5.981                                                         |                  | 5.981            |                          |                              |                           |                                                                        |                  |                  |                          |                              |                           | 4.000                                                                |                  | 4.000            |                          |                                  | Ban QLDA ĐTXD KV huyện Châu Phú   |         |  |
| c   | Dự án nhóm C                                                                                |             |                                 |           |                  |                                                                                |                  |                                                                         |                                |               |                |                                                               |                  |                  |                          |                              |                           |                                                                        |                  |                  |                          |                              |                           |                                                                      |                  |                  |                          |                                  |                                   |         |  |
| V   | VĂN HÓA, THÔNG TIN                                                                          |             |                                 |           |                  |                                                                                |                  |                                                                         | 238.782                        | 237.096       |                | 244.907                                                       | 242.903          | 2.004            |                          |                              |                           | 128.992                                                                | 128.896          | 96               |                          |                              |                           | 102.825                                                              | 100.917          | 1.908            |                          |                                  |                                   |         |  |
| B   | Thực hiện dự án                                                                             |             |                                 |           |                  |                                                                                |                  |                                                                         | 238.782                        | 237.096       | -              | 244.907                                                       | 242.903          | 2.004            | -                        | -                            | -                         | 128.992                                                                | 128.896          | 96               | -                        | -                            | -                         | 102.825                                                              | 100.917          | 1.908            | -                        | -                                |                                   | -       |  |
| (1) | Các dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2025                                                   |             |                                 |           |                  |                                                                                |                  |                                                                         | 236.778                        | 235.092       | -              | 242.903                                                       | 242.903          | -                | -                        | -                            | -                         | 128.896                                                                | 128.896          | -                | -                        | -                            | -                         | 100.917                                                              | 100.917          | -                | -                        | -                                |                                   | -       |  |
| b   | Dự án nhóm B                                                                                |             |                                 |           |                  |                                                                                |                  |                                                                         | 215.117                        | 215.117       | -              | 221.705                                                       | 221.705          | -                | -                        | -                            | -                         | 121.839                                                                | 121.839          | -                | -                        | -                            | -                         | 88.000                                                               | 88.000           | -                | -                        | -                                |                                   |         |  |
| 1   | Nhà hát tỉnh An Giang                                                                       | LX          | KBNNAG                          | 7676962   | 161              | 20.000 m2                                                                      | đến hết năm 2025 | 1705/QĐ-UBND 29/7/2021; 2345/QĐ-UBND 26/9/2019; 2457/QĐ-UBND 06/10/2023 | 215.117                        | 215.117       |                | 221.705                                                       | 221.705          |                  |                          |                              |                           | 121.839                                                                | 121.839          |                  |                          |                              |                           | 88.000                                                               | 88.000           |                  |                          | Ban QLDA ĐTXD&KV PTĐT AG         |                                   |         |  |
| c   | Dự án nhóm C                                                                                |             |                                 |           |                  |                                                                                |                  |                                                                         | 21.661                         | 19.975        | -              | 21.198                                                        | 21.198           | -                | -                        | -                            | -                         | 7.057                                                                  | 7.057            | -                | -                        | -                            | -                         | 12.917                                                               | 12.917           | -                | -                        | -                                |                                   | -       |  |
| 1   | Sửa chữa Nhà thi đấu nhi tỉnh An Giang                                                      | LX          | KBNNAG                          | 8044517   | 161              | Cải tạo khối nhà đa năng. Xây mới trạm biến áp 160KVA                          | 2024-2025        | Số 56/QĐ-SXD 29/01/2024                                                 | 7.732                          | 7.732         |                | 8.956                                                         | 8.956            |                  |                          |                              |                           | 3.500                                                                  | 3.500            |                  |                          |                              |                           | 4.232                                                                | 4.232            |                  |                          | Ban QLDA ĐTXD&KV PTĐT AG         |                                   |         |  |
| 2   | Di tích Dã Nổi                                                                              | PT          | KBNNAG                          | 8078409   | 161              | Bồi thường và Xây dựng Đền chính, Hạ tầng kỹ thuật, công trình phụ trợ         | 2023-2025        | 281/QĐ-UBND 27/02/2024                                                  | 8.268                          | 8.268         |                | 8.267                                                         | 8.267            |                  |                          |                              |                           | 2.557                                                                  | 2.557            |                  |                          |                              |                           | 5.710                                                                | 5.710            |                  |                          | Ban QLDA ĐTXD KV huyện Thoại Sơn |                                   |         |  |
| 3   | Trung tâm Văn hóa, Thể thao xã Long Hòa                                                     | PT          | KBH                             | 8.026.699 | 161              | 1.657m2                                                                        | 2023-2025        | 237/QĐ-SXD 11/6/2024                                                    | 5.661                          | 3.975         |                | 3.975                                                         | 3.975            |                  |                          |                              |                           | 1.000                                                                  | 1.000            |                  |                          |                              |                           | 2.975                                                                | 2.975            |                  |                          | Ban QLDA ĐTXD KV huyện Phú Tân   |                                   |         |  |
| (3) | Các dự án khởi công mới năm 2025                                                            |             |                                 |           |                  |                                                                                |                  |                                                                         | 2.004                          | 2.004         | -              | 2.004                                                         | -                | 2.004            | -                        | -                            | -                         | 96                                                                     | -                | 96               | -                        | -                            | -                         | 1.908                                                                | -                | 1.908            | -                        | -                                |                                   |         |  |
| c   | Dự án nhóm C                                                                                |             |                                 |           |                  |                                                                                |                  |                                                                         | 2.004                          | 2.004         | -              | 2.004                                                         | -                | 2.004            | -                        | -                            | -                         | 96                                                                     | -                | 96               | -                        | -                            | -                         | 1.908                                                                | -                | 1.908            | -                        | -                                | Hội Văn hóa Óc Eo                 |         |  |
| 2   | Cải tạo, sửa chữa một số cơ sở hạ tầng Khu di tích Văn hóa Óc Eo                            | TS, TT      | KBNN huyện Thoại Sơn            |           | 161              | Cải tạo đường vào di tích, hệ thống thoát nước, bể ngầm hiện vật, bia di tích. | 2023-2025        | 1389/QĐ-UBND 10/9/2024                                                  | 2.004                          | 2.004         |                | 2.004                                                         |                  | 2.004            |                          |                              |                           | 96                                                                     |                  | 96               |                          |                              |                           | 1.908                                                                |                  | 1.908            |                          |                                  | Ban quản lý di tích Văn hóa Óc Eo |         |  |
| VI  | LĨNH VỰC THỂ DỤC THỂ THAO                                                                   |             |                                 |           |                  |                                                                                |                  |                                                                         | 5.500                          | 4.560         |                | 4.560                                                         | 4.560            |                  |                          |                              |                           | 2.000                                                                  | 2.000            |                  |                          |                              |                           | 2.560                                                                | 2.560            |                  |                          |                                  |                                   |         |  |
| B   | Thực hiện dự án                                                                             |             |                                 |           |                  |                                                                                |                  |                                                                         | 5.500                          | 4.560         |                | 4.560                                                         | 4.560            |                  |                          |                              |                           | 2.000                                                                  | 2.000            |                  |                          |                              |                           | 2.560                                                                | 2.560            |                  |                          |                                  |                                   |         |  |
| (1) | Các dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2025                                                   |             |                                 |           |                  |                                                                                |                  |                                                                         | 5.500                          | 4.560         |                | 4.560                                                         | 4.560            |                  |                          |                              |                           | 2.000                                                                  | 2.000            |                  |                          |                              |                           | 2.560                                                                | 2.560            |                  |                          |                                  |                                   |         |  |
| b   | Dự án nhóm B                                                                                |             |                                 |           |                  |                                                                                |                  |                                                                         |                                |               |                |                                                               |                  |                  |                          |                              |                           |                                                                        |                  |                  |                          |                              |                           |                                                                      |                  |                  |                          |                                  |                                   |         |  |
| c   | Dự án nhóm C                                                                                |             |                                 |           |                  |                                                                                |                  |                                                                         | 5.500                          | 4.560         |                | 4.560                                                         | 4.560            |                  |                          |                              |                           | 2.000                                                                  | 2.000            |                  |                          |                              |                           | 2.560                                                                | 2.560            |                  |                          |                                  |                                   |         |  |

| TT   | Danh mục dự án                                                                                                                 | Địa điểm XD    | Địa điểm mở tài khoản của dự án | Mã dự án | Mã ngành kinh tế | Năng lực thiết kế                                                                               | Thời gian KC-HIT | Quyết định đầu tư                                                    |                                |               |                | Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn NSDP |                  |                  |                          |                              |                           | Lấy kế bổ trí vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 bổ trí đến hết KH 2024 |                  |                  |                          |                              |                           | Dự kiến Kế hoạch đầu tư công năm 2025 nguồn vốn ngân sách địa phương |                  |                  |                          |                              | Chủ đầu tư                        | Ghi chú                          |   |
|------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|---------------------------------|----------|------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|----------------------------------------------------------------------|--------------------------------|---------------|----------------|---------------------------------------------------------------|------------------|------------------|--------------------------|------------------------------|---------------------------|------------------------------------------------------------------------|------------------|------------------|--------------------------|------------------------------|---------------------------|----------------------------------------------------------------------|------------------|------------------|--------------------------|------------------------------|-----------------------------------|----------------------------------|---|
|      |                                                                                                                                |                |                                 |          |                  |                                                                                                 |                  | Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành                              | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | TMDT          |                | Tổng số                                                       | Trong đó:        |                  |                          |                              |                           | Tổng số                                                                | Trong đó:        |                  |                          |                              |                           | Tổng số                                                              | Trong đó:        |                  |                          |                              |                                   |                                  |   |
|      |                                                                                                                                |                |                                 |          |                  |                                                                                                 |                  |                                                                      |                                | Trong đó: NST | Nguồn vốn khác |                                                               | Đầu tư tập trung | Xổ số kiến thiết | Vốn thu tiền sử dụng đất | Bội chi ngân sách địa phương | vốn dự phòng 2023 và 2024 |                                                                        | Đầu tư tập trung | Xổ số kiến thiết | Vốn thu tiền sử dụng đất | Bội chi ngân sách địa phương | vốn dự phòng 2023 và 2024 |                                                                      | Đầu tư tập trung | Xổ số kiến thiết | Vốn thu tiền sử dụng đất | Bội chi ngân sách địa phương |                                   |                                  |   |
| 1    | 2                                                                                                                              | 3              | 4                               | 5        | 6                | 7                                                                                               | 8                | 9                                                                    | 10                             | 11            | 12             | 13=14+15+16+17+18                                             | 14               | 15               | 16                       | 17                           | 18                        | 19=20+21+22+23+24                                                      | 20               | 21               | 22                       | 23                           | 24                        | 25=26+27+28+29                                                       | 26               | 27               | 28                       | 29                           | 30                                | 31                               |   |
| 1    | Trùng tu, sửa chữa Đình Khánh Bình                                                                                             | AP             | KB An Phú                       | 8078313  | 161              | Thay mới mái ngói, gia cố các vách bị mục 504m2 (14m x 26m), xây mới nhà kho 208m2 (8 - 26 x 3) | 2023-2025        | 313/QĐ-UBND 01/3/2024                                                | 5.500                          | 4.560         |                | 4.560                                                         | 4.560            |                  |                          |                              |                           | 2.000                                                                  | 2.000            |                  |                          |                              |                           | 2.560                                                                | 2.560            |                  |                          |                              | Ban QLDA ĐTXD KV huyện An Phú     |                                  |   |
| IX   | CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ                                                                                                          |                |                                 |          |                  |                                                                                                 |                  |                                                                      |                                | 15.258.901    | 2.036.266      | 12.863.602                                                    | 1.516.026        | 1.493.425        | 22.601                   |                              |                           | 1.045.209                                                              | 1.035.209        | 10.000           |                          |                              |                           | 340.615                                                              | 328.014          | 12.601           |                          |                              |                                   |                                  |   |
| IX.1 | NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, ĐIỂM NGHIỆP, THỦY LỢI VÀ THỦY SẢN                                                                     |                |                                 |          |                  |                                                                                                 |                  |                                                                      |                                | 75.519        | 75.519         |                                                               | 75.658           | 75.658           |                          |                              |                           |                                                                        |                  |                  |                          |                              |                           | 74.129                                                               | 74.129           |                  |                          |                              |                                   |                                  |   |
| B    | Thực hiện dự án                                                                                                                |                |                                 |          |                  |                                                                                                 |                  |                                                                      |                                | 75.519        | 75.519         | -                                                             | 75.658           | 75.658           | -                        | -                            | -                         | -                                                                      | -                | -                | -                        | -                            | -                         | 74.129                                                               | 74.129           | -                | -                        | -                            | -                                 | -                                |   |
| (2)  | Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2025                                                                                  |                |                                 |          |                  |                                                                                                 |                  |                                                                      |                                | 75.519        | 75.519         | -                                                             | 75.658           | 75.658           | -                        | -                            | -                         | -                                                                      | -                | -                | -                        | -                            | -                         | 74.129                                                               | 74.129           | -                | -                        | -                            | -                                 | -                                |   |
| c    | Dự án nhóm C                                                                                                                   |                |                                 |          |                  |                                                                                                 |                  |                                                                      |                                | 75.519        | 75.519         | -                                                             | 75.658           | 75.658           | -                        | -                            | -                         | -                                                                      | -                | -                | -                        | -                            | -                         | 74.129                                                               | 74.129           | -                | -                        | -                            | -                                 | -                                |   |
| 1    | Gia cố sạt lở tuyến kênh Chắc Cà Dao (bờ Bắc và bờ Nam - giai đoạn 2)                                                          | CT             | KBNNAG                          | 8103637  | 283              | Chiều dài L = 970m                                                                              | 2024-2026        | 1285/QĐ-UBND 20/8/2024                                               | 75.519                         | 75.519        |                | 75.658                                                        | 75.658           |                  |                          |                              |                           |                                                                        |                  |                  |                          |                              |                           | 74.129                                                               | 74.129           |                  |                          |                              | Ban QLDA ĐTXD KV huyện Châu Thành |                                  |   |
| IX.2 | GAO THÔNG                                                                                                                      |                |                                 |          |                  |                                                                                                 |                  |                                                                      |                                | 14.563.859    | 1.601.257      | 12.603.569                                                    | 1.235.714        | 1.213.113        | 22.601                   |                              |                           | 949.215                                                                | 939.215          | 10.000           |                          |                              |                           | 167.826                                                              | 155.225          | 12.601           |                          |                              |                                   |                                  |   |
| A    | Chuẩn bị đầu tư                                                                                                                |                |                                 |          |                  |                                                                                                 |                  |                                                                      |                                | 164.178       | 164.178        |                                                               |                  |                  |                          |                              |                           |                                                                        |                  |                  |                          |                              |                           | 500                                                                  | 500              |                  |                          |                              |                                   |                                  |   |
| a    | Dự án nhóm B                                                                                                                   |                |                                 |          |                  |                                                                                                 |                  |                                                                      |                                | 164.178       | 164.178        |                                                               |                  |                  |                          |                              |                           |                                                                        |                  |                  |                          |                              |                           | 500                                                                  | 500              |                  |                          |                              |                                   |                                  |   |
| 1    | Đường Nguyễn Văn Linh nối dài (Đoạn 780m từ vị trí tuyến tránh thành phố Long Xuyên đến hết Khu liên hợp TĐTT tỉnh An Giang)   | LX             | KBNNAG                          |          |                  | - 0,75km, đường cấp I, rộng 36m - Cầu rạch Mương Khai Lớn dài 33m                               | 2025-2028        |                                                                      | 164.178                        | 164.178       |                |                                                               |                  |                  |                          |                              |                           |                                                                        |                  |                  |                          |                              |                           | 500                                                                  | 500              |                  |                          |                              | Ban QLDA ĐTXD&KV PTĐT AG          |                                  |   |
| B    | Thực hiện dự án                                                                                                                |                |                                 |          |                  |                                                                                                 |                  |                                                                      |                                | 14.399.681    | 1.437.079      | 12.603.569                                                    | 1.235.714        | 1.213.113        | 22.601                   |                              |                           | 949.215                                                                | 939.215          | 10.000           |                          |                              |                           | 167.326                                                              | 154.725          | 12.601           |                          |                              |                                   |                                  |   |
| (1)  | Các dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2025                                                                                      |                |                                 |          |                  |                                                                                                 |                  |                                                                      |                                | 289.678       | 137.719        | 77.377                                                        | 95.714           | 73.113           | 22.601                   |                              |                           | 56.374                                                                 | 46.374           | 10.000           |                          |                              |                           | 39.193                                                               | 26.592           | 12.601           |                          |                              |                                   |                                  |   |
| b    | Dự án nhóm B                                                                                                                   |                |                                 |          |                  |                                                                                                 |                  |                                                                      |                                | 144.152       | 69.570         |                                                               | 32.100           | 32.100           |                          |                              |                           | 20.000                                                                 | 20.000           |                  |                          |                              |                           | 12.100                                                               | 12.100           |                  |                          |                              |                                   |                                  |   |
| 1    | NCMR Đường Bờ Đông Liên Xã                                                                                                     | AP             | KBNNAG                          | 7955598  | 292              | 14.43km                                                                                         | 2023-2026        | 2654/QĐ-UBND 31/10/2022                                              | 144.152                        | 69.570        |                | 32.100                                                        | 32.100           |                  |                          |                              |                           | 20.000                                                                 | 20.000           |                  |                          |                              |                           | 12.100                                                               | 12.100           |                  |                          |                              | Ban QLDA ĐTXD KV huyện An Phú     |                                  |   |
| c    | Dự án nhóm C                                                                                                                   |                |                                 |          |                  |                                                                                                 |                  |                                                                      |                                | 145.526       | 68.149         | 77.377                                                        | 63.614           | 41.013           | 22.601                   | -                            | -                         | -                                                                      | 36.374           | 26.374           | 10.000                   | -                            | -                         | -                                                                    | 27.093           | 14.492           | 12.601                   | -                            | -                                 | -                                |   |
| 1    | Tuyến đường kênh E                                                                                                             | TS             | KBNNAG                          | 8047075  | 292              | 1.700m x 13m; mặt 7m                                                                            | 2023-2025        | 1453/QĐ-UBND 11/9/2023; 2178/QĐ-UBND 29/12/2023                      | 70.657                         | 22.801        | 47.856         | 22.801                                                        | 200              | 22.601           |                          |                              |                           | 10.000                                                                 |                  | 10.000           |                          |                              |                           | 12.801                                                               | 200              | 12.601           |                          |                              |                                   | Ban QLDA ĐTXD KV huyện Thoại Sơn |   |
| 2    | Tuyến DH.12 (cầu Bình Hòa-ranh Trĩ Tôn)                                                                                        | CT             | KBNNAG                          | 7950343  | 292              | 23.597m và 2 cầu, 3 cống                                                                        | 2022-2025        | 2720/QĐ-UBND 17/11/2021                                              | 74.869                         | 45.348        | 29.521         | 40.813                                                        | 40.813           |                  |                          |                              |                           | 26.374                                                                 | 26.374           |                  |                          |                              |                           | 14.292                                                               | 14.292           |                  |                          |                              | Ban QLDA ĐTXD KV huyện Châu Thành |                                  |   |
| (2)  | Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2025                                                                                  |                |                                 |          |                  |                                                                                                 |                  |                                                                      |                                | 14.110.003    | 1.299.360      | 12.526.192                                                    | 1.140.000        | 1.140.000        |                          |                              |                           | 892.841                                                                | 892.841          |                  |                          |                              |                           | 128.133                                                              | 128.133          |                  |                          |                              |                                   |                                  |   |
| a    | Dự án nhóm A                                                                                                                   |                |                                 |          |                  |                                                                                                 |                  |                                                                      |                                | 13.526.193    | 1.000.000      | 12.526.192                                                    | 1.000.000        | 1.000.000        |                          |                              |                           | 852.841                                                                | 852.841          |                  |                          |                              |                           | 53.133                                                               | 53.133           |                  |                          |                              |                                   |                                  |   |
| 1    | Dự án thành phần 1 thuộc dự án đường bộ cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng giai đoạn 1                                     | CD, CP, CT, TS | KBNNAG                          | 7971144  | 292              | 57,014 km                                                                                       | 2022 - 2027      | 222/QĐ-UBND 28/02/2023                                               | 13.526.193                     | 1.000.000     | 12.526.192     | 1.000.000                                                     | 1.000.000        |                  |                          |                              |                           | 852.841                                                                | 852.841          |                  |                          |                              |                           | 53.133                                                               | 53.133           |                  |                          |                              | Ban QLDA ĐTXD CTGT&NN AG          |                                  |   |
| b    | Dự án nhóm B                                                                                                                   |                |                                 |          |                  |                                                                                                 |                  |                                                                      |                                | 583.810       | 299.360        | -                                                             | 140.000          | 140.000          | -                        | -                            | -                         | -                                                                      | 40.000           | 40.000           | -                        | -                            | -                         | -                                                                    | 75.000           | 75.000           | -                        | -                            | -                                 | -                                | - |
| 1    | Nâng cấp tuyến đường Nam Cấn Thào (từ QL91 đến rừng tràm Trà sư, huyện Tịnh Biên)                                              | CP-TB          | KBNNAG                          | 7936153  | 292              | 20,6km                                                                                          | 2023-2026        | 2663/QĐ-UBND 03/11/2022                                              | 240.919                        | 117.214       |                | 60.000                                                        | 60.000           |                  |                          |                              |                           | 40.000                                                                 | 40.000           |                  |                          |                              |                           | 10.000                                                               | 10.000           |                  |                          |                              | Ban QLDA ĐTXD KV huyện Châu Phú   |                                  |   |
| 2    | Tuyến tránh sạt lở tỉnh lộ 954 xã Phú An                                                                                       | PT             | KBNNAG                          | 8087122  | 292              | 1.174m                                                                                          | 2024-2026        |                                                                      | 120.498                        | 70.498        |                | 50.000                                                        | 50.000           |                  |                          |                              |                           |                                                                        |                  |                  |                          |                              |                           | 35.000                                                               | 35.000           |                  |                          |                              | Ban QLDA ĐTXD KV huyện Phú Tân    |                                  |   |
| 3    | Nâng cấp, mở rộng đường Hương lộ 11 (bao gồm tuyến chính và tuyến nhánh đi đến trung tâm xã Tân Lập đầu nối với đường tỉnh 945 | TB             | Kho bạc tỉnh + huyện            | 7995084  | 292              | 22.094m                                                                                         | 2023-2026        | 1710/QĐ-UBND 25/10/2023                                              | 222.393                        | 111.648       |                | 30.000                                                        | 30.000           |                  |                          |                              |                           |                                                                        |                  |                  |                          |                              |                           | 30.000                                                               | 30.000           |                  |                          |                              | Ban QLDA ĐTXD KV TX.Tịnh Biên     |                                  |   |
| IX.3 | KHU CÔNG NGHIỆP VÀ KHU KINH TẾ                                                                                                 |                |                                 |          |                  |                                                                                                 |                  |                                                                      |                                | 316.037       | 199.757        | 116.280                                                       | 131.524          | 131.524          |                          |                              |                           | 65.994                                                                 | 65.994           |                  |                          |                              |                           | 55.530                                                               | 55.530           |                  |                          |                              |                                   |                                  |   |
| B    | Thực hiện dự án                                                                                                                |                |                                 |          |                  |                                                                                                 |                  |                                                                      |                                | 316.037       | 199.757        | 116.280                                                       | 131.524          | 131.524          |                          |                              |                           | 65.994                                                                 | 65.994           |                  |                          |                              |                           | 55.530                                                               | 55.530           |                  |                          |                              |                                   |                                  |   |
| (1)  | Các dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2025                                                                                      |                |                                 |          |                  |                                                                                                 |                  |                                                                      |                                | 316.037       | 199.757        | 116.280                                                       | 131.524          | 131.524          |                          |                              |                           | 65.994                                                                 | 65.994           |                  |                          |                              |                           | 55.530                                                               | 55.530           |                  |                          |                              |                                   |                                  |   |
| b    | Dự án nhóm B                                                                                                                   |                |                                 |          |                  |                                                                                                 |                  |                                                                      |                                | 243.411       | 127.131        | 116.280                                                       | 101.524          | 101.524          |                          |                              |                           | 65.994                                                                 | 65.994           |                  |                          |                              |                           | 35.530                                                               | 35.530           |                  |                          |                              |                                   |                                  |   |
| 1    | Trạm kiểm soát liên hợp cửa khẩu quốc tế Vĩnh Xương                                                                            | TC             | KBNNAG                          | 7905197  | 309              | 79.864 m2                                                                                       | 2021-2025        | 1342/QĐ-UBND 21/6/2021; 757/QĐ-UBND 18/4/2022; 403/QĐ-UBND 19/3/2024 | 243.411                        | 127.131       | 116.280        | 101.524                                                       | 101.524          |                  |                          |                              |                           | 65.994                                                                 | 65.994           |                  |                          |                              |                           | 35.530                                                               | 35.530           |                  |                          |                              | Ban QL Khu kinh tế                |                                  |   |
| c    | Dự án nhóm C                                                                                                                   |                |                                 |          |                  |                                                                                                 |                  |                                                                      |                                | 72.626        | 72.626         | -                                                             | 30.000           | 30.000           | -                        | -                            | -                         | -                                                                      | -                | -                | -                        | -                            | -                         | 20.000                                                               | 20.000           | -                | -                        | -                            | -                                 |                                  |   |
| 1    | Hệ thống xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Xuân Tô (giai đoạn 1)                                                       | TB             | KBNNAG                          | 8067920  | 309              | 750 m <sup>3</sup> / ngày.đêm                                                                   | 2024-2026        | 1680/QĐ-UBND 19/10/2023                                              | 72.626                         | 72.626        |                | 30.000                                                        | 30.000           |                  |                          |                              |                           |                                                                        |                  |                  |                          |                              |                           | 20.000                                                               | 20.000           |                  |                          |                              | Ban QL Khu kinh tế                |                                  |   |
| IX.4 | DU LỊCH                                                                                                                        |                |                                 |          |                  |                                                                                                 |                  |                                                                      |                                | 303.486       | 159.733        | 143.753                                                       | 73.130           | 73.130           |                          |                              |                           | 30.000                                                                 | 30.000           |                  |                          |                              |                           | 43.130                                                               | 43.130           |                  |                          |                              |                                   |                                  |   |
| B    | Thực hiện dự án                                                                                                                |                |                                 |          |                  |                                                                                                 |                  |                                                                      |                                | 303.486       | 159.733        | 143.753                                                       | 73.130           | 73.130           |                          |                              |                           | 30.000                                                                 | 30.000           |                  |                          |                              |                           | 43.130                                                               | 43.130           |                  |                          |                              |                                   |                                  |   |
| (2)  | Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2025                                                                                  |                |                                 |          |                  |                                                                                                 |                  |                                                                      |                                | 303.486       | 159.733        | 143.753                                                       | 73.130           | 73.130           |                          |                              |                           | 30.000                                                                 | 30.000           |                  |                          |                              |                           | 43.130                                                               | 43.130           |                  |                          |                              |                                   |                                  |   |

| TT  | Danh mục dự án                                                                                 | Địa điểm XD | Địa điểm mở tài khoản của dự án | Mã dự án | Mã ngành kinh tế | Năng lực thiết kế                                                              | Thời gian KC-HT | Quyết định đầu tư                             |                                |               |                | Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn NSDP |                  |                  |                          |                             |                           | Lấy kế bổ tri vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 bổ tri đến hết KH 2024 |                  |                  |                          |                             |                           | Dự kiến Kế hoạch đầu tư công năm 2025 nguồn vốn ngân sách địa phương |                  |                  |                          |                             | Chủ đầu tư                     | Ghi chú            |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|---------------------------------|----------|------------------|--------------------------------------------------------------------------------|-----------------|-----------------------------------------------|--------------------------------|---------------|----------------|---------------------------------------------------------------|------------------|------------------|--------------------------|-----------------------------|---------------------------|------------------------------------------------------------------------|------------------|------------------|--------------------------|-----------------------------|---------------------------|----------------------------------------------------------------------|------------------|------------------|--------------------------|-----------------------------|--------------------------------|--------------------|
|     |                                                                                                |             |                                 |          |                  |                                                                                |                 | Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành       | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | TMDT          |                | Tổng số                                                       | Trong đó:        |                  |                          |                             |                           | Tổng số                                                                | Trong đó:        |                  |                          |                             |                           | Tổng số                                                              | Trong đó:        |                  |                          |                             |                                |                    |
|     |                                                                                                |             |                                 |          |                  |                                                                                |                 |                                               |                                | Trong đó: NST | Nguồn vốn khác |                                                               | Đầu tư tập trung | Xổ số kiến thiết | Vốn thu tiền sử dụng đất | Bộ chi ngân sách địa phương | vốn dự phòng 2023 và 2024 |                                                                        | Đầu tư tập trung | Xổ số kiến thiết | Vốn thu tiền sử dụng đất | Bộ chi ngân sách địa phương | vốn dự phòng 2023 và 2024 |                                                                      | Đầu tư tập trung | Xổ số kiến thiết | Vốn thu tiền sử dụng đất | Bộ chi ngân sách địa phương |                                |                    |
| 1   | 2                                                                                              | 3           | 4                               | 5        | 6                | 7                                                                              | 8               | 9                                             | 10                             | 11            | 12             | 13=14+15+16+17+18                                             | 14               | 15               | 16                       | 17                          | 18                        | 19=20+21+22+23+24                                                      | 20               | 21               | 22                       | 23                          | 24                        | 25=26+27+28+29                                                       | 26               | 27               | 28                       | 29                          | 30                             | 31                 |
| b   | Dự án nhóm B                                                                                   |             |                                 |          |                  |                                                                                |                 |                                               | 303.486                        | 159.733       | 143.753        | 73.130                                                        | 73.130           |                  |                          |                             |                           | 30.000                                                                 | 30.000           |                  |                          |                             |                           | 43.130                                                               | 43.130           |                  |                          |                             |                                |                    |
| 1   | Trung tâm hội nghị thành phố Châu Đốc                                                          | CD          | KBNNAG                          | 7883127  | 322              | 5.500m <sup>2</sup>                                                            | 2024-2027       | 275/QĐ-UBND 26/02/2024; 791/QĐ-UBND 19/4/2022 | 303.486                        | 159.733       | 143.753        | 73.130                                                        | 73.130           |                  |                          |                             |                           | 30.000                                                                 | 30.000           |                  |                          |                             |                           | 43.130                                                               | 43.130           |                  |                          |                             | Ban QLDA ĐTXD KV TP Châu Đốc   |                    |
| X   | HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC, ĐVSNCL, TCCT VÀ CÁC TỔ CHỨC CT-XH                  |             |                                 |          |                  |                                                                                |                 |                                               | 47.697                         | 35.727        |                | 23.122                                                        | 23.122           |                  |                          |                             |                           | 10.000                                                                 | 10.000           |                  |                          |                             |                           | 13.038                                                               | 13.038           |                  |                          |                             |                                |                    |
| B   | Thực hiện dự án                                                                                |             |                                 |          |                  |                                                                                |                 |                                               | 47.697                         | 35.727        |                | 23.122                                                        | 23.122           |                  |                          |                             |                           | 10.000                                                                 | 10.000           |                  |                          |                             |                           | 13.038                                                               | 13.038           |                  |                          |                             |                                |                    |
| (1) | Các dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2025                                                      |             |                                 |          |                  |                                                                                |                 |                                               | 3.999                          | 3.122         |                | 3.122                                                         | 3.122            |                  |                          |                             |                           | 2.000                                                                  | 2.000            |                  |                          |                             |                           | 1.122                                                                | 1.122            |                  |                          |                             |                                |                    |
| c   | Dự án nhóm C                                                                                   |             |                                 |          |                  |                                                                                |                 |                                               | 3.999                          | 3.122         |                | 3.122                                                         | 3.122            |                  |                          |                             |                           | 2.000                                                                  | 2.000            |                  |                          |                             |                           | 1.122                                                                | 1.122            |                  |                          |                             | Ban QLDA ĐTXD KV huyện Phú Tân |                    |
| 1   | Nâng cấp cải tạo Trụ sở UBND thị trấn Chợ Vàm                                                  | Pt          | KBH                             | 8024451  | 341              | Trụ sở làm việc, công trình phụ trợ, HTKT (cải tạo)                            | 2023-2025       | 657/QĐ-SXD 24/7/2023                          | 3.999                          | 3.122         |                | 3.122                                                         | 3.122            |                  |                          |                             |                           | 2.000                                                                  | 2.000            |                  |                          |                             |                           | 1.122                                                                | 1.122            |                  |                          |                             | Ban QLDA ĐTXD KV huyện Phú Tân |                    |
| (2) | Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2025                                                  |             |                                 |          |                  |                                                                                |                 |                                               | 43.698                         | 32.605        | -              | 20.000                                                        | 20.000           | -                | -                        | -                           | -                         | 8.000                                                                  | 8.000            | -                | -                        | -                           | -                         | 11.916                                                               | 11.916           | -                | -                        | -                           |                                |                    |
| c   | Dự án nhóm C                                                                                   |             |                                 |          |                  |                                                                                |                 |                                               | 43.698                         | 32.605        | -              | 20.000                                                        | 20.000           | -                | -                        | -                           | -                         | 8.000                                                                  | 8.000            | -                | -                        | -                           | -                         | 11.916                                                               | 11.916           | -                | -                        | -                           |                                |                    |
| 1   | Cải tạo, sửa chữa Trụ sở làm việc Đài Phát thanh - Truyền hình An Giang                        | LX          | KBNNAG                          | 8049698  | 341              | Cải tạo công trình hiện trạng; Đầu tư mới hệ thống thiết bị điều hòa không khí | 2024-2026       | 149/QĐ-SXD 08/4/2024                          | 9.916                          | 9.916         |                | 10.000                                                        | 10.000           |                  |                          |                             |                           | 3.000                                                                  | 3.000            |                  |                          |                             |                           | 6.916                                                                | 6.916            |                  |                          |                             | Ban QLDA ĐTXD&KV PTĐT AG       |                    |
| 2   | Trụ sở Khối vận huyện Ủy An Phú                                                                | TT.AP       | KBNNAG                          | 8081715  | 351              | Tổng diện tích khu đất khoảng 3.903m2                                          | 2024-2026       | 472/QĐ-UBND 27/3/2024                         | 33.782                         | 22.689        |                | 10.000                                                        | 10.000           |                  |                          |                             |                           | 5.000                                                                  | 5.000            |                  |                          |                             |                           | 5.000                                                                | 5.000            |                  |                          |                             | Ban QLDA ĐTXD KV huyện An Phú  |                    |
| XI  | XÃ HỘI                                                                                         |             |                                 |          |                  |                                                                                |                 |                                               | 482.011                        | 54.776        | 427.235        | 54.776                                                        |                  |                  |                          |                             |                           | 12.560                                                                 |                  |                  |                          |                             |                           | 12.972                                                               |                  |                  | 12.972                   |                             |                                |                    |
| B   | Thực hiện dự án                                                                                |             |                                 |          |                  |                                                                                |                 |                                               | 482.011                        | 54.776        | 427.235        | 54.776                                                        |                  |                  |                          |                             |                           | 12.560                                                                 |                  |                  |                          |                             |                           | 12.972                                                               |                  |                  | 12.972                   |                             |                                |                    |
| (2) | Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2025                                                  |             |                                 |          |                  |                                                                                |                 |                                               | 482.011                        | 54.776        | 427.235        | 54.776                                                        |                  |                  |                          |                             |                           | 12.560                                                                 |                  |                  |                          |                             |                           | 12.972                                                               |                  |                  | 12.972                   |                             |                                |                    |
| c   | Dự án nhóm C                                                                                   |             |                                 |          |                  |                                                                                |                 |                                               | 482.011                        | 54.776        | 427.235        | 54.776                                                        |                  |                  |                          |                             |                           | 12.560                                                                 |                  |                  |                          |                             |                           | 12.972                                                               |                  |                  | 12.972                   |                             |                                |                    |
| 1   | Đổi ứng thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững                                        |             |                                 |          |                  |                                                                                | 2022-2025       | 2031/QĐ-UBND 15/8/2022                        | 293.257                        | 33.929        | 259.328        | 33.929                                                        |                  |                  | 33.929                   |                             |                           |                                                                        |                  |                  |                          |                             |                           | 4.685                                                                |                  |                  | 4.685                    |                             |                                | Chung các lĩnh vực |
| 2   | Đổi ứng thực hiện Chương trình MTQG phát triển KTXH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi |             |                                 |          |                  |                                                                                | 2022-2025       | 929/QĐ-UBND 27/6/2023 2394/QĐ-UBND 30/9/2022  | 188.754                        | 20.847        | 167.907        | 20.847                                                        |                  |                  | 20.847                   |                             |                           | 12.560                                                                 |                  |                  |                          |                             |                           | 8.287                                                                |                  |                  | 8.287                    |                             |                                | Chung các lĩnh vực |
| B   | BỔ TRÍ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHÁC                                                                 |             |                                 |          |                  |                                                                                |                 |                                               |                                |               |                | 252.210                                                       | 247.210          | 5.000            |                          |                             |                           |                                                                        |                  |                  |                          |                             |                           | 33.400                                                               | 33.400           |                  |                          |                             |                                |                    |
| 1   | Trả nợ gốc và lãi vay                                                                          |             |                                 |          |                  |                                                                                |                 |                                               |                                |               |                | 182.210                                                       | 182.210          |                  |                          |                             |                           |                                                                        |                  |                  |                          |                             |                           | 23.400                                                               | 23.400           |                  |                          |                             | Sở Tài chính                   |                    |
| 2   | Thanh toán công nợ sau quyết toán (bao gồm chi phí quyết toán)                                 |             |                                 |          |                  |                                                                                |                 |                                               |                                |               |                | 70.000                                                        | 65.000           | 5.000            |                          |                             |                           |                                                                        |                  |                  |                          |                             |                           | 10.000                                                               | 10.000           |                  |                          |                             | Sở Tài chính                   |                    |